

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ YÊU CẦU BẢO GIÁ KẾ HOẠCH NĂM 2026

GÓI THẦU SỐ MS-02: MUA HÓA CHẤT, VẬT TƯ XÉT NGHIỆM

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 02/YCBG ngày 10/9/2025 của Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông)

STT	Danh mục hàng hóa (Tên hóa chất, vật tư xét nghiệm yêu cầu báo giá)	Khối lượng	Đơn vị tính	Mô tả hàng hóa (Yêu cầu về thành phần cấu tạo, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của hóa chất, vật tư xét nghiệm)	Địa điểm thực hiện	Quy cách	Ghi chú: Yêu cầu xuất xứ của hàng hóa (theo Nhóm nước, Vùng lãnh thổ)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Hóa chất xét nghiệm phân tích sinh hóa tích hợp khối điện giải (Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy xét nghiệm) để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 55 Luật Đấu thầu năm 2023)						
1.1	Định lượng Glucose	27	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng glucose; Thành phần: Dung dịch đệm PIPES (pH 7,6) 24 mmol/L; ATP $\geq$ 2 mmol/L; NAD ⁺ $\geq$ 1,32 mmol/L; Mg ²⁺ 2,37 mmol/L; Hexokinase $\geq$ 0,59 kU/L; G6P-DH $\geq$ 1,58 kU/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.2	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa	70	Lọ	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1; Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase, AST, CK-NAC, GGT, GLDH, LDH,; Lipase, Inorganic Phosphorus, Triglyceride, Albumin, Calcium, Chloride, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactate, Lithium, Magnesium, Potassium, Sodium, Total Protein,; UIBC, Urea & Uric Acid, IgA, IgG, IgM, APO A1. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	G7
1.3	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa	70	Lọ	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2; Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật: Bilirubin-Total và Direct, Cholinesterase, ALP, ALT, Amylase, AST, CK-NAC, GGT, GLDH, LDH, Lipase, Inorganic Phosphorus, Triglyceride, Albumin, Calcium, Chloride, Cholesterol, Creatinine, Glucose, Iron, Lactate, Lithium, Magnesium, Potassium, Sodium, Total Protein,; UIBC, Urea, Uric Acid, IgA, IgG, IgM, APO A1. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	G7
1.4	Đo hoạt độ AST (GOT)	36	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST; Thành phần: Tris buffer, pH 7,65 (37°C) 80mmol/L; L-aspartate 240mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH $\geq$ 0,9kU/L; MDH $\geq$ 0,6kU/L; NADH 0,2mmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.5	Định lượng Creatinin	36	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng creatinine; Thành phần: Natri hidroxit 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20

1	2	3	4	5	6	7	8
1.6	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	40	Can	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa; Thành phần: Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Can	G20
1.7	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa	30	Lọ	Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy; Thành phần: Huyết thanh người, các enzym từ người, động vật và thực vật: Alkaline Phosphatase, ALT, AST, Amylase, Cholinesterase, CK-NAC, GGT, LDH, Albumin, Creatinine, Cholesterol, Glucose, Lactate, Lipase, Protein toàn phần, Triglycerid, UIBC, Ure, Uric Acid, Bilirubin, Phospho vô cơ, Calci, Sắt, Magnesi. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	G7
1.8	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	60	Lọ	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol; Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	G20
1.9	Đo hoạt độ ALT (GPT)	36	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALT; Thành phần: Tris buffer pH 7,15 (37°C) 100mmol/L; L-Alanine 500mmol/L; 2-Oxoglutarate 12mmol/L; LDH 1,8kU/L; NADH 0,2mmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.10	Định lượng Ure	24	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng urê; Thành phần: Đệm Tris 100 mmol/L; NADH $\geq 0,26$ mmol/L; Tetra Natri diphosphat 10 mmol/L; EDTA 2,65 mmol/L; 2-Oxoglutarat $\geq 9,8$ mmol/L; Urease $\geq 17,76$ kU/L; ADP $\geq 2,6$ mmol/L; GLDH $\geq 0,16$ kU/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.11	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	35	Lọ	Hoá chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: Huyết thanh người chứa α -1 acidglycoprotein; Ferritin; α -1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; β -2 microglobulin; Globulin miễn dịch A; Globulin miễn dịch M; Globulin miễn dịch G; Ceruloplasmin; Bỏ thể 3 (C3); Prealbumin; Bỏ thể 4 (C4); Yếu tố dạng thấp; Protein phản ứng C (CRP); Transferrin. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	G7
1.12	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch	35	Lọ	Hoá chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: Huyết thanh người chứa α -1 acidglycoprotein; Ferritin; α -1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; β -2 microglobulin; Globulin miễn dịch A; Globulin miễn dịch M; Globulin miễn dịch G; Ceruloplasmin; Bỏ thể 3 (C3); Prealbumin; Bỏ thể 4 (C4); Yếu tố dạng thấp; Protein phản ứng C (CRP); Transferrin. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	G7
1.13	Định lượng Triglycerid	30	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng triglyceride; Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,5) 50 mmol/L; Mg ²⁺ 4,6 mmol/L; MADB 0,25 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,5 mmol/L; ATP 1,4 mmol/L; Lipases 1,5 kU/L (25 μ kat/L); Glycerol kinase 0,5 kU/L (8,3 μ kat/L); Peroxidase 0,98 kU/L (16,3 μ kat/L); Ascorbate oxidase 1,48 kU/L (24,6 μ kat/L); Glycerol-3-phosphate oxidase 1,48 kU/L (24,6 μ kat/L). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.14	Định lượng Cholesterol toàn phần	12	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng cholesterol; Thành phần: Dung dịch đệm photphat (pH 6,5) 103 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 μ kat/L); Cholesterol oxidase $\geq 0,2$ kU/L (3,3 μ kat/L); Peroxidase ≥ 10 kU/L (166,7 μ kat/L). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.15	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	48	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL-cholesterol; Thành phần: Cholesterol esterase 3,7 IU/mL; Cholesterol oxidase 3,7 IU/mL; Peroxidase 4,9 IU/mL; Natri azit 0,1%; Dung dịch đệm của Good (pH 6,8) 25 mmol/L; 4-aminoantipyrine 0,8 mmol/L; Catalase 743 IU/mL; HDAOS 0,47 mmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
1.16	Định lượng Calci toàn phần	6	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng canxi toàn phần; Thành phần: Imidazol (pH 6,9); Arsenazo III 0,02%. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.17	Chất chuẩn điện giải mức giữa	20	Hộp	Chất hiệu chuẩn mức trung bình sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ Na ⁺ , K ⁺ và Cl ⁻ ; Thành phần: Na ⁺ 4,3 mmol/L; K ⁺ 0,13 mmol/L; Cl ⁻ 3,1 mmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.18	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	14	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng GGT; Thành phần: Glycylglycine, pH 7,7 (37°C) 150 mmol/L; L-γ-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 6 mmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.19	Dung dịch đệm ISE	20	Hộp	Dung dịch đệm sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ Na ⁺ , K ⁺ và Cl ⁻ ; Thành phần: Triethanolamine 0,1 mol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.20	Định lượng CRP	18	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP độ nhạy cao; Thành phần: Glycine buffer 100 mmol/L; Latex, phủ kháng thể kháng CRP < 0,5% w/v. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
1.21	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm HbA1c	8	Hộp	Dung dịch ly giải hồng cầu dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
1.22	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL	9	Hộp	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL-Cholesterol; Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL-Cholesterol (người). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
1.23	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ASO	14	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng kháng thể ASO; Thành phần: Đệm phosphat (pH 7,0) 40 mmol/L; Hạt latex phủ Streptolysin-O <0,2% w/v. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.24	Định lượng RF (Rheumatoid Factor)	20	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng RF; Thành phần: Glycine buffer (pH 8,0) 170 mmol/L; Latex phủ IgG người < 0,5%. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
1.25	Định lượng Bilirubin toàn phần	8	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần; Thành phần: Cafein 2,1 mmol/L; 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborat 0,31 mmol/L; Chất hoạt động bề mặt. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.26	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	12	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-cholesterol; Thành phần: Kháng thể kháng β-lipoprotein ở người; Cholesterol esterase (CHE) 0,8 IU/mL; Cholesterol oxidase (CHO) 4,4 IU/mL; Peroxidase (POD) 1,7 IU/mL; Ascorbate Oxidase 2 IU/mL; Dung dịch đệm Good's (pH 7) 30 mmol/L; N-Ethyl - N - (2-hydroxy-3-sulfopropyl) - 3,5- dimethoxy - 4 fluoroaniline (F-DAOS) 0,2 mmol/L; 4-Aminoantipyrine 0,67 mmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
1.27	Định lượng Acid Uric	6	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng axit uric; Thành phần: Đệm phosphat (pH 7,5) 42 mmol/L; MADB 0,15 mmol/L; 4-Aminophenazon 0,30 mmol/L; Peroxidase ≥ 5,9 kU/L (98 μkat/L); Uricase ≥ 0,25 kU/L (4,15 μkat/L); Ascorbat Oxidase ≥ 1,56 kU/L (26 μkat/L). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.28	Đo hoạt độ Amylase	9	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng α-amylase; Thành phần: MES (pH 6,05) 36,1 mmol/L; Canxi axetat 3,60 mmol/L; NaCl 37,2 mmol/L; Kali thiocyanate 253 mmol/L; CNPG3 1,63 mmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.29	Dung dịch rửa	6	Bình	Dung dịch rửa; Thành phần: Sodium Hypochlorite 5 - 10%; Chất vệ sinh cô đặc. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Bình	G20

1	2	3	4	5	6	7	8
1.30	Định lượng Albumin trong huyết thanh và huyết tương	3	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng albumin; Thành phần: Succinate buffer (pH 4,2) 100 mmol/L; Bromocresol green 0,2 mmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.31	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO ₂	8	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol, CO ₂ ; Thành phần: Dung dịch đệm, chứa amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.32	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO ₂	8	Hộp	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol, CO ₂ ; Thành phần: Dung dịch đệm chứa amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.33	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase)	3	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALP; Thành phần: 2-Amino-2-Methyl-1-Propanol (AMP) pH 10.4 0,35 mol/L; p-Nitrophenyl phosphate 16 mmol/L; HEDTA 2 mmol/L; Zinc Sulphate 1 mmol/L; Magnesium Acetate 2 mmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.34	Hóa chất điện giải cho điện cực tham chiếu	6	Hộp	Hoá chất điện giải cho điện cực tham chiếu sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ Na ⁺ , K ⁺ và Cl ⁻ ; Thành phần: Kali clorua 1 mol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.35	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO ₂	6	Hộp	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol, CO ₂ ; Thành phần: Dung dịch đệm chứa amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.36	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho xét nghiệm Ammonia, Ethanol và CO ₂	6	Hộp	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng amoniac, ethanol, CO ₂ ; Thành phần: Dung dịch đệm chứa amoniac, ethanol, natri hydrocarbonat. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.37	Định lượng Protein toàn phần	3	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần; Thành phần: Natri hydroxyd 200 mmol/L; Kali natri tartrat 32 mmol/L; Đồng sulphat 18,8 mmol/L; Kali iodid 30 mmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.38	Chất kiểm chứng cho xét nghiệm sinh hóa nước tiểu	3	Hộp	Được sử dụng để theo dõi hiệu năng các xét nghiệm nước tiểu. Thành phần: nước tiểu người, amylase nước bọt người, hCG, albumin huyết thanh. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
1.39	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	3	Hộp	Hoá chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HDL-Cholesterol; Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
1.40	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CK-MB	3	Lọ	Chất hiệu chuẩn dùng trong xét nghiệm CK-MB; Thành phần: Huyết thanh người đông khô chứa isoenzym creatine kinase-MB. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	G7
1.41	Hóa chất kiểm chuẩn mức 1 cho xét nghiệm CK-MB	3	Lọ	Vật liệu kiểm soát mức 1 dùng trong xét nghiệm CK-MB; Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa isoenzym creatin kinase-MB (CK-MB). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	G7
1.42	Hóa chất kiểm chuẩn mức 2 cho xét nghiệm CK-MB	3	Lọ	Vật liệu kiểm soát mức 2 dùng trong xét nghiệm CK-MB; Thành phần: Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa isoenzym creatin kinase-MB (CK-MB). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	G7
1.43	Định lượng Protein toàn phần	3	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần; Thành phần: Natri hydroxyd 200 mmol/L; Kali natri tartrat 32 mmol/L; Đồng sulphat 18,8 mmol/L; Kali iodid 30 mmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.44	Đo hoạt độ LDH	3	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDH; Thành phần: D(-)N-Methylglucamin buffer, pH 9,4 (37°C) 325 mmol/L; Lactate 50 mmol/L; NAD ⁺ 10 mmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.45	Định lượng Bilirubin trực tiếp	8	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp; Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0,08 mmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20

1	2	3	4	5	6	7	8
1.46	Định lượng Phospho vô cơ	3	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng photpho vô cơ; Thành phần: Sulphuric acid 200 mmol/L; Ammoniumheptamolybdate 0,35 mmol/L; Glycine 50 mmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.47	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	32	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng ethanol; Thành phần: Thuốc thử A chứa đệm PIPES, chất bảo quản; Thuốc thử B chứa đệm PIPES, NAD, alcohol dehydrogenase, chất bảo quản. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.48	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm sinh hóa nước tiểu	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa nước tiểu thường quy; Thành phần: Nước tiểu người chứa Amylase, Canxi, Glucose, Phospho vô cơ, Urea, Axit Uric, Creatinine, Magnesi. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.49	Hóa chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm miễn dịch đo độ đục	3	Lọ	Hoá chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: Huyết thanh người chứa α -1 acidglycoprotein; Ferritin; α -1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; β -2 microglobulin; Globulin miễn dịch A; Globulin miễn dịch M; Globulin miễn dịch G; Ceruloplasmin; Bỏ thể 3 (C3); Prealbumin; Bỏ thể 4 (C4); Yếu tố dạng thấp; Protein phản ứng C (CRP); Transferrin. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	G7
1.50	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường	3	Hộp	Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường; Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa CRP người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
1.51	Định lượng Sắt	3	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng sắt; Thành phần: Đệm glycin (pH 1,7) 215 mmol/L; L-ascorbic acid 4,7 mmol/L; 2,4,6-Tri(2-pyridyl)-5-triazine 0,5 mmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.52	Định lượng HbA1c	16	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1c; Thành phần: + HbA1c Calibrator: Dung dịch ly giải hồng cầu (người và cừu); Tetradecyltrimethylamoni bromid 0,9%; + Thuốc thử HbA1c R1 Antibody: Kháng thể kháng HbA1c ở người (cừu) $\geq 0,5$ mg/mL; đệm MES 0,025 mol/L, đệm TRIS 0,015 mol/L; + Thuốc thử HbA1c R2 Polyhapten: HbA1c Polyhapten ≥ 8 μ g/mL; đệm MES 0,025 mol/L, đệm TRIS 0,015 mol/L; + Hemoglobin toàn phần R1: đệm photphat, pH 7,4: 0,02 mol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
1.53	Định lượng Mg	3	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng magiê; Thành phần: Acid ϵ -Amino-n Caproic 450 mmol/L; Tris 100 mmol/L; Acid Glycoletherdiamine-N,N,N',N' tetraacetic 0,12 mmol/L; Xanh Xylidyl 0,18 mmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.54	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm Protein đặc biệt nhóm 1	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: Huyết thanh người chứa Immunoglobulin G, Immunoglobulin A, Immunoglobulin M, Transferrin, C3, C4, Anti-Streptolysin O, Ferritin, C-reactive protein. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
1.55	Định lượng Ferritin	3	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ferritin; Thành phần: Dung dịch đệm Glycin (R1: pH 8,3, R2: pH 7,3) 170 mmol/L; Các hạt Latex phủ kháng thể (thỏ) kháng ferritin (người). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
1.56	Định lượng Albumin trong nước tiểu và dịch não tủy	3	Hộp	Hóa chất dùng để định lượng nồng độ Albumin trong nước tiểu/dịch não tủy; Thành phần: Đệm Phosphat 18 mmol/L; Kháng thể (dê) kháng albumin người; Polyethylene glycol 8000 3,6%; Natri azit < 0,1% (w/w). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
1.57	Chất hiệu chuẩn albumin trong nước tiểu/dịch não tủy	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm Albumin trong nước tiểu/CSF; Thành phần: Albumin người và Natri azit < 0,1 % (w/w). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

	2	3	4	5	6	7	8
1.58	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP có độ nhạy cao	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP độ nhạy cao; Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa CRP người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
1.59	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm RF	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn dùng cho xét nghiệm RF; Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng chứa RF người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
1.60	Chất chuẩn huyết thanh mức cao cho xét nghiệm điện giải	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn mức cao sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ natri (Na ⁺), kali (K ⁺) và clorua (Cl ⁻) trong huyết thanh, huyết tương; Thành phần: Na ⁺ 160 mmol/L; K ⁺ 6 mmol/L; Cl ⁻ 120 mmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.61	Chất chuẩn huyết thanh mức thấp cho xét nghiệm điện giải	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn mức thấp được sử dụng cho xét nghiệm định lượng (gián tiếp) nồng độ natri (Na ⁺), kali (K ⁺) và clorua (Cl ⁻) trong huyết thanh, huyết tương; Thành phần: Na ⁺ 130 mmol/L; K ⁺ 3,5 mmol/L; Cl ⁻ 85 mmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.62	Định lượng Protein	3	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng protein toàn phần trong nước tiểu và CSF; Thành phần: R1: Pyrogallol đỏ 47 µmol/L; Natri Molybdat 320 µmol/L; Axit succinic 50 mmol/L; Natri Benzoat 3,5 mmol/L; Natri Oxalate 1 mmol/L; Methanol 0,8% w/v; Chất hiệu chuẩn: Albumin huyết thanh người 0,5 g/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.63	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)	3	Hộp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB; Thành phần: Dung dịch đệm imidazole (pH 6,7) 100 mmol/L; Diadenosine-pentaphosphate 0,01 mmol/L; Hexokinase (HK) ≥ 4 kU/L; EDTA 2 mmol/L; NADP 2 mmol/L; Glucose 20 mmol/L; G6P-DH ≥ 2,8 kU/L; Creatine phosphate 30 mmol/L; ADP 2 mmol/L; N-Acetylcysteine 0,2 mmol/L; Mg-Acetate 10 mmol/L; Chất hoạt hóa 26 mmol/L; AMP 5 mmol/L; Kháng thể kháng tiểu đơn vị CK-M. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
1.64	Điện cực Natri	2	Cái	Điện cực Natri, Chất liệu: nhựa và kim loại, Chiều rộng: 1,5 cm, chiều dài: 3,8 cm. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Cái	G7
1.65	Điện cực Kali	2	Cái	Điện cực Kali, Chất liệu: nhựa và kim loại, Chiều rộng: 1,5 cm, chiều dài: 3,8 cm. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Cái	G7
1.66	Điện cực Clo	2	Cái	Điện cực Clo, Chất liệu: nhựa và kim loại, Chiều rộng: 1,5 cm, chiều dài: 3,8 cm. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Cái	G7
1.67	Điện cực tham chiếu	2	Chiếc	Điện cực tham chiếu, Chất liệu: nhựa và kim loại, Đường kính thân: 1,6 cm, chiều dài: 5,8 cm. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Chiếc	G7
2	Hóa chất xét nghiệm HbA1c tự động (Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy xét nghiệm) để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 55 Luật Đấu thầu năm 2023)						
2.1	Bộ hóa chất chạy xét nghiệm HbA1c trên máy sắc ký lỏng hiệu năng cao	36	Bộ	Được sử dụng cho định lượng hemoglobin A1c (HbA1c) trong máu toàn phần từ tĩnh mạch hoặc máu mao mạch. Thành phần chính: Cột phân tích Polymer gel, Dung dịch Buffer A và B Methanol, Ammonia. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Bộ	G7
2.2	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HbA1c	12	Hộp	Được sử dụng để kiểm soát hiệu năng của xét nghiệm định lượng glyated Hemoglobin Thành phần: Máu toàn phần. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
2.3	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HbA1c	12	Hộp	Được sử dụng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HbA1C theo phương pháp ái lực. Thành phần: Máu toàn phần. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch tự động (Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy xét nghiệm) để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 55 Luật Đầu thầu năm 2023)						
3.1	Chất chuẩn AFP	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AFP trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Đệm nền albumin huyết thanh bò (BSA) có chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin, AFP ở các mức nồng độ 0 ng/mL, xấp xỉ 2,5; 5; 25; 100; 500 và 3000 ng/mL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.2	Chất chuẩn Total β hCG (5th IS)	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng β hCG toàn phần trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Đệm nền albumin huyết thanh bò (BSA), chất hoạt động bề mặt, natri azit, ProClin, hCG ở các mức nồng độ 0 mIU/mL, xấp xỉ 6, 35, 195, 620 và 1350 mIU/mL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.3	Chất chuẩn Cortisol	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng cortisol trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Huyết thanh người, natri azit, ProClin, cortisol ở các mức nồng độ 0 μ g/dL, xấp xỉ 2, 5, 10, 25 và 60 μ g/dL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.4	Chất chuẩn AMH	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AMH trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Đệm HEPES, albumin huyết thanh bò (BSA), ProClin, chất bảo quản, AMH ở các mức nồng độ 0 ng/mL, xấp xỉ 0,16; 0,6; 4; 10 và 24 ng/mL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.5	Chất chuẩn CEA	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Dung dịch đệm phosphat, protein (bò), natri azit, ProClin, Kháng nguyên carcinoembryonic (người) ở các mức nồng độ xấp xỉ 1, 10, 100, 500, 1000 ng/mL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.6	Chất chuẩn Unconjugated Estriol	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng estriol không liên hợp trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Huyết thanh người, NaN ₃ , Cosmocil, estriol không liên hợp ở các mức nồng độ 0 ng/mL, xấp xỉ 0,07; 0,17; 0,34; 0,86; 3,4 và 6,9 ng/mL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.7	Chất chuẩn Free T4	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T4 tự do trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Huyết thanh người, natri azit, ProClin, thyroxine ở các mức nồng độ 0 ng/dL, xấp xỉ 0,5, 1,0, 2,0, 3,0 và 6,0 ng/dL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.8	Chất chuẩn CA 125	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125 trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Albumin huyết thanh bò (BSA) đệm, natri azid, ProClin, Kháng nguyên CA 125 ở các nồng độ xấp xỉ 25, 100, 500, 2000 và 5000 U/mL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.9	Chất chuẩn CA 19-9	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9 trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Albumin huyết thanh bò (BSA) đệm, natri azid, ProClin, kháng nguyên CA 19-9 ở các nồng độ xấp xỉ 30, 90, 300, 900 và 2000 U/mL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.10	Chất chuẩn Free T3	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3 tự do trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Dung dịch đệm HEPES, protein (bò), chất hoạt động bề mặt, NaN ₃ , ProClin, T3 ở các mức nồng độ 0 pg/mL, xấp xỉ 1, 2, 5, 10 và 30 pg/mL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
3.11	Chất chuẩn TSH (3rd IS)	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt động bề mặt, natri azit, ProClin, hTSH ở các mức nồng độ 0 μ IU/mL, xấp xỉ 0,05; 0,3; 3; 15 và 50 μ IU/mL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.12	Chất chuẩn Hybritech PSA	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA toàn phần trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Albumin huyết thanh bò (BSA) đệm, natri azid, ProClin, PSA người ở các nồng độ xấp xỉ 0,5, 2, 10, 75 và 150 ng/mL đối với hiệu chuẩn của Hybritech (hoặc 0,4, 1,7, 8, 58 và 121 ng/mL đối với hiệu chuẩn của WHO) trong BSA đệm. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.13	Chất chuẩn HBs Ab	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Huyết tương đã loại bỏ fibrin/huyết thanh người, kháng thể kháng HBs ở các mức nồng độ 0 mIU/mL, xấp xỉ 10, 20, 50, 250 và 750 mIU/mL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.14	Chất kiểm tra xét nghiệm HBs Ag	2	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Huyết tương người được khử fibrin, HBs Ag âm tính, HBs Ag dương tính, NaN ₃ , ProClin. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.15	Chất chuẩn TPO Antibody	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng kháng thể kháng TPO trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Dung dịch đệm protein (bò), natri azid, ProClin, kháng thể huyết thanh TPO (thỏ) trong dung dịch đệm protein (bò) ở các nồng độ xấp xỉ 5, 20, 75, 300 và 1000 IU/mL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.16	Chất chuẩn HBs Ag	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Đệm nền albumin huyết thanh bò (BSA), NaN ₃ , ProClin, kháng nguyên HBs. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.17	Chất kiểm tra xét nghiệm BNP	1	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng BNP trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Phức hợp BNP (người) tái tổ hợp ở các mức xấp xỉ 80, 400, 2200 pg/mL trong chất nền BSA đệm có chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.18	Chất chuẩn CA 15-3	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15-3 trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, ProClin, Kháng nguyên CA 15-3 ở các nồng độ xấp xỉ 10, 50, 100, 500 và 1000 U/mL trong BSA đệm. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.19	Chất chuẩn hsTnI	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin I tim trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Đệm nền albumin huyết thanh bò (BSA) với chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin, phức hợp troponin tái tổ hợp ở các mức nồng độ cTnI xấp xỉ 30,7; 144; 567; 2293; 9280 và 27027 pg/mL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.20	Chất chuẩn BNP	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng BNP trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Chất nền đệm albumin huyết thanh bò (BSA) với chất hoạt động bề mặt, natri azid, ProClin, phức hợp BNP (người) tái tổ hợp ở các nồng độ xấp xỉ 25, 100, 500, 2500 và 5000 pg/mL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
3.21	Bán định lượng HIV (Ag/Ab)	5	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm bán định lượng kháng nguyên p24 của HIV-1 và p26 của HIV-2, kháng thể kháng HIV-1 và kháng thể kháng HIV-2 trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Các hạt thuận từ được phủ protein HIV-1 tái tổ hợp, polypeptide HIV-1/O, HIV-2 và kháng thể đơn dòng kháng kháng nguyên HIV-1 p24, HIV-2 p26, lơ lửng trong nước muối sinh lý đệm TRIS, các polypeptide HIV-1, HIV-1/O, HIV-2 và streptavidin cộng hợp với phosphatase kiềm, các peptide đặc hiệu HIV-1/O/HIV-2 liên kết biotin và chứa các kháng thể đơn dòng liên kết biotin kháng HIV-1 p24 và HIV-2 p26, natri azid, ProClin 300. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.22	Định lượng TSH (3rd IS)	5	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng TSH trong huyết tương hoặc huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH người, muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azide, ProClin, kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng TSH cộng hợp với phosphatase kiềm, muối đệm ACES, protein (chuột). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.23	Chất kiểm tra xét nghiệm AMH	1	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng AMH trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: AMH (người) tái tổ hợp ở các nồng độ xấp xỉ 1 ng/mL, 5 ng/mL, 15 ng/mL, huyết tương người (đã qua xử lý), ProClin 300. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.24	Chất chuẩn PAPP-A	1	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PAPP-A trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Chất nền đệm BSA, natri azid, ProClin, PAPP-A nguồn gốc từ người ở các mức nồng độ xấp xỉ 50, 150, 500, 2500 và 5000 ng/mL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.25	Chất chuẩn iPTH	1	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng iPTH trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Đệm nền protein (bò), ProClin, đệm PBS, albumin huyết thanh bò (BSA), chất hoạt động bề mặt, natri azide, chứa PTH (kháng nguyên tổng hợp) ở các nồng độ tương ứng xấp xỉ 10, 60, 300, 1500 và 3500 pg/mL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.26	Chất kiểm tra xét nghiệm HBs Ab	1	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Huyết tương người đã loại bỏ fibrin, natri azid, ProClin, âm tính (không phản ứng) với kháng thể kháng HBs, huyết tương người đã loại bỏ fibrin có các gamma globulin người đặc hiệu với HBs Ag, dương tính (phản ứng) với các kháng thể kháng HBs ở nồng độ xấp xỉ 60 mIU/mL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.27	Định lượng CEA	4	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CEA trong huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Pha rắn các hạt thuận từ phủ MAb (chuột) kháng CEA, được phân tán trong dung dịch đệm TRIS, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit, ProClin, chất cộng hợp MAB (chuột) kháng CEA gắn phosphatase kiềm (bò), được pha loãng trong dung dịch đệm phosphat, protein (chuột, bò). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
3.28	Định lượng AFP	4	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AFP trong huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng AFP được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, chất nền albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng AFP được pha loãng trong dung dịch muối đệm phosphat, protein (dê, thỏ, chuột). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.29	Định lượng Unconjugated Estriol	1	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng estriol không liên hợp trong huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể IgG (dê) kháng thỏ được phân tán trong muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, Cosmocil, kháng thể (thỏ) kháng estriol, chất cộng hợp estriol-phosphatase kiềm (bò), muối đệm HEPES. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.30	Định lượng Free T4	4	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T4 tự do trong huyết thanh và huyết tương người (heparin) trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ streptavidin, muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, NaN ₃ , ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) - Triiodothyronin, kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng Thyroxin - T4 gắn biotin, protein (chim và chuột). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.31	Định lượng CA 125	4	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 125 trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (dê) kháng biotin, kháng thể (đơn dòng, chuột, gắn biotin) kháng kháng nguyên CA 125, albumin huyết thanh bò, natri azid, ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng kháng nguyên CA 125, dung dịch đệm protein (bò, dê, chuột). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.32	Định lượng CA 15-3	4	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 15-3 trong huyết thanh và huyết tương người (chống đông bằng heparin) trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (dê) kháng biotin, kháng thể (chuột, đơn dòng, gắn biotin) kháng kháng nguyên CA 15-3, albumin huyết thanh bò, natri azid, ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) - kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng kháng nguyên CA 15-3, dung dịch đệm protein (bò, dê, chuột). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.33	Định lượng CA 19-9	4	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CA 19-9 trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (dê, đa dòng) kháng biotin, albumin huyết thanh bò, natri azid, ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) - kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng kháng nguyên CA 19-9, chất cộng hợp biotin - kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng kháng nguyên CA 19-9, dung dịch đệm protein (bò, dê, chuột). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.34	Định lượng TPO Ab	1	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng thể kháng TPO trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ streptavidin và được liên kết với TPO tái tổ hợp (người) được gắn biotin, được phân tán trong dung dịch đệm ACES có protein (bò), natri azid, ProClin, chất cộng hợp photphatase kiềm (bò) - protein A tái tổ hợp trong dung dịch đệm protein bò. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
3.35	Định lượng Free T3	5	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng T3 tự do trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ streptavidin trong dung dịch đệm TRIS có protein (chim), chất hoạt động bề mặt, NaN ₃ , ProClin, dung dịch đệm MES, chất tương tự T3 gắn biotin, protein (dê, bò, chim), chất cộng hợp kháng thể đơn dòng-phosphatase kiềm trong dung dịch ACES. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.36	Phát hiện HBs Ag	5	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ streptavidin và liên kết với các kháng thể (đơn dòng, chuột) đặc hiệu với HBs Ag được biotin hóa trong dung dịch đệm TRIS có albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit, ProClin, protein (chuột, bò), kháng thể (đơn dòng, chuột) đặc hiệu với HBs Ag cộng hợp với phosphatase kiềm (tái tổ hợp) trong dung dịch đệm phosphate. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.37	Định lượng PAPP-A	1	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PAPP-A trong huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng PAPP-A, BSA, chất nền đệm TRIS, natri azid, ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng PAPP-A, chất nền đệm phosphatase, protein (chuột, bò, dê). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.38	Định lượng total β hCG	5	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng β hCG toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ phức hợp kháng thể (dê) kháng IgG chuột - kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng β hCG phân tán trong muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit, ProClin, protein (dê, chuột và tái tổ hợp) được pha loãng trong muối đệm citrat, kháng thể (thỏ) kháng β hCG gắn phosphatase kiềm (tái tổ hợp) được pha loãng trong muối đệm MES, protein (thỏ). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.39	Định lượng AMH	1	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng AMH trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng kháng AMH, đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, protein (chuột, bò), natri azid, ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm - kháng thể kháng AMH, đệm MES. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
3.40	Định tính HCV Ab	4	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: hạt thuận từ được bọc protein tái tổ hợp (NS3/NS4) và peptide (capsid) lơ lửng trong dung dịch đệm TRIS, natri azit, chất hoạt động bề mặt, chất cộng hợp alkaline phosphatase IgG kháng người của dê trong dung dịch đệm TRIS, ProClin 300. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.41	Định lượng hsTnI	4	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng Troponin I tim trong huyết thanh hoặc huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Các hạt thuận từ được bao phủ bằng kháng thể (đơn dòng, chuột) kháng cTnI của người được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, ProClin, chất cộng hợp giữa kháng thể (đơn dòng, cừu) kháng cTnI của người với phosphatase kiềm được pha loãng trong dung dịch muối đệm ACES, protein (bò, cừu, chuột). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
3.42	Định lượng total PSA	4	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA toàn phần trong huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng PSA được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt động bề mặt, albumin huyết thanh bò (BSA), natri azid, ProClin, chất cộng hợp phosphatase kiềm (bò) với kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng PSA được pha loãng trong dung dịch muối đệm phosphat, protein (chuột). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.43	Định lượng BNP	2	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng BNP trong các mẫu xét nghiệm huyết tương chống đông bằng EDTA trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng BNP người được phân tán trong dung dịch muối đệm TRIS, albumin huyết thanh bò (BSA), ProClin, natri azid, IgG dê và chuột tinh khiết trong dung dịch muối đệm TRIS, chất cộng hợp kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng BNP (người) - phosphatase kiềm, muối đệm PBS. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.44	Định lượng Cortisol	1	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng cortisol trong huyết tương (chống đông bằng heparin, EDTA), huyết thanh và nước tiểu người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Chất cộng hợp cortisol – phosphatase kiềm (bò) và các hạt thuận từ phủ kháng thể (dê) kháng IgG thô trong dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt động bề mặt, nền albumin huyết thanh bò (BSA), natri azit, kháng huyết thanh (thỏ) kháng cortisol trong dung dịch muối đệm TRIS. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.45	Định lượng iPTH	1	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng iPTH trong huyết tương và huyết thanh người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Hạt thuận từ phủ kháng thể (dê) kháng PTH được phân tán trong muối đệm TRIS, albumin huyết thanh bò (BSA), chất hoạt động bề mặt, natri azide, ProClin, dung dịch khóa ACE, protein (chuột, dê), kháng thể (chuột, đơn dòng) kháng PTH cộng hợp phosphatase kiềm. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.46	Định lượng PCT	2	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng thể đơn dòng (chuột) kháng procalcitonin người trong dung dịch đệm TRIS có chất hoạt động bề mặt, protein (bò), natri azid, ProClin 300, Natri Hydroxid, chất cộng hợp giữa phosphatase kiềm tái tổ hợp với kháng thể (chuột) kháng procalcitonin trong dung dịch đệm MOPS. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.47	Dung dịch rửa máy hàng ngày	5	Bình	Dung dịch rửa được dùng cho quy trình làm sạch các máy xét nghiệm miễn dịch dòng Access. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Bình	G7
3.48	Cơ chất phát quang	30	Hộp	Sản phẩm được dùng với hệ thống xét nghiệm miễn dịch Access và thuốc thử xét nghiệm miễn dịch Access đặc hiệu; Thành phần chính: Lumi-Phos 530 (dung dịch đệm chứa dioxetane Lumigen PPD, chất huỳnh quang và chất hoạt tính bề mặt). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
3.49	Chất chuẩn HIV Combo V2	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng nguyên HIV-1/HIV-2 và kháng thể kháng HIV-1/HIV-1/O/HIV-2 trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Chất nền tổng hợp không chứa kháng nguyên HIV-1, HIV-2 và kháng thể kháng HIV-1/HIV-1/O/ HIV-2, huyết thanh người dương tính với kháng thể anti-HIV-1 (bất hoạt bằng nhiệt), âm tính với kháng nguyên HBs, kháng nguyên HIV, kháng thể anti-HIV-2 và anti-HCV trong dung dịch pha loãng tổng hợp, natri azid, ProClin 300. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.50	Chất kiểm tra xét nghiệm HIV combo V2	2	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng nguyên HIV-1/HIV-2 và kháng thể kháng HIV-1/HIV-1/O/HIV-2 trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Dung dịch pha loãng tổng hợp không chứa kháng nguyên HIV-1, HIV-2 và kháng thể anti-HIV-1/HIV-1/O/HIV-2, huyết thanh người dương tính với kháng thể anti-HIV-1 (bất hoạt bằng nhiệt), âm tính với kháng nguyên HBs, kháng nguyên HIV, kháng thể anti-HIV-2 và anti-HCV trong dung dịch pha loãng tổng hợp, kháng nguyên HIV-1 tinh sạch (bất hoạt về mặt hóa học) trong dung dịch pha loãng tổng hợp, natri azid, ProClin 300. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.51	Chất chuẩn HCV Ab	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: huyết thanh người âm tính (không phản ứng) dành cho kháng thể kháng HCV, huyết thanh người dương tính (phản ứng) dành cho kháng thể kháng HCV đã được bất hoạt, natri azit. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.52	Chất kiểm tra xét nghiệm HCV Ab V3	2	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: huyết thanh người âm tính (không phản ứng) đối với kháng thể kháng HCV, huyết thanh người dương tính (phản ứng) đối với kháng thể kháng HCV. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.53	Giếng phản ứng cho dòng máy DxI	80	Túi	Giếng phản ứng dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch tự động DxI; Chất liệu Polypropylene; Dung tích tối đa 1 mL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Túi	G7
3.54	Chất kiểm chứng hằng thứ 3 cho các xét nghiệm miễn dịch Sàng lọc trước sinh mức 1	2	Hộp	Vật liệu kiểm soát 6 thông số xét nghiệm sàng lọc trước sinh: Alpha-fetoprotein, Free Beta hCG, Free Estriol, HCG, Inhibin A và PAPP-A. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.55	Chất kiểm chứng hằng thứ 3 cho các xét nghiệm miễn dịch Sàng lọc trước sinh mức 2	2	Hộp	Vật liệu kiểm soát 6 thông số xét nghiệm sàng lọc trước sinh: Alpha-fetoprotein, Free Beta hCG, Free Estriol, HCG, Inhibin A và PAPP-A. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.56	Chất kiểm chứng hằng thứ 3 cho các xét nghiệm miễn dịch Sàng lọc trước sinh mức 3	2	Hộp	Vật liệu kiểm soát 6 thông số xét nghiệm sàng lọc trước sinh: Alpha-fetoprotein, Free Beta hCG, Free Estriol, HCG, Inhibin A và PAPP-A. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.57	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm tim mạch mức 1,2,3	2	Hộp	Vật liệu kiểm soát 9 dấu ấn tim mạch; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ protein tái tổ hợp, mô người hoặc dịch cơ thể. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
3.58	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u và TgAb, TPO Ab)	2	Lọ	Vật liệu kiểm soát 74 thông số miễn dịch trong đó có Anti-Tg, Anti-TPO và SHBG; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	G7
3.59	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u và TgAb, TPO Ab)	2	Lọ	Vật liệu kiểm soát 74 thông số miễn dịch trong đó có Anti-Tg, Anti-TPO và SHBG; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	G7
3.60	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chỉ tổ khối u và TgAb, TPO Ab)	2	Lọ	Vật liệu kiểm soát 74 thông số miễn dịch trong đó có Anti-Tg, Anti-TPO và SHBG; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	G7
3.61	IA Premium Plus Tri -Level	4	Hộp	Vật liệu kiểm soát 54 thông số xét nghiệm miễn dịch bao gồm chất chỉ điểm khối u, thuốc điều trị và các xét nghiệm miễn dịch thông thường; Sản phẩm được cung cấp ở dạng đông khô; Thành phần: 100% huyết thanh người; Chứa các thông số chỉ điểm khối u thường quy: AFP, CA15-3, CA19-9, CA-125, CEA, PSA, Free-PSA. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.62	Định lượng HBs Ab	4	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B trong huyết thanh và huyết tương người trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Các hạt thuận từ phủ kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (loại phụ "ay" và "ad", từ người, khử hoạt tính bằng nhiệt), trong dung dịch muối đệm TRIS, có chất hoạt tính bề mặt, BSA, natri azit, Cosmocil, kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (loại phụ "ay" và "ad", từ người, khử hoạt tính bằng nhiệt) — photphataza kiểm (tái tổ hợp) trong dung dịch muối đệm phosphate. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.63	Chất chuẩn PCT	2	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng procalcitonin (PCT) trên máy xét nghiệm miễn dịch tự động; Thành phần chính: Bột đông khô chứa đệm HEPES, protein (bò), natri azit, ProClin 300, procalcitonin người tái tổ hợp với các mức nồng độ xấp xỉ 0,8; 5; 10; 25; 50 và 100 ng/mL ($\mu\text{g/L}$). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.64	Dung dịch rửa dòng máy DxI	100	Hộp	Sản phẩm được dùng với Hệ thống xét nghiệm miễn dịch Access và thuốc thử xét nghiệm miễn dịch Access đặc hiệu; Thành phần chính: Dung dịch muối đệm TRIS, chất hoạt tính bề mặt, natri azit và khối lượng phản ứng: 5-chloro-2-methyl-4-isothiazolin-3-one và 2-methyl-4-isothiazolin-3-one (3:1). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
3.65	Dung dịch rửa máy hàng ngày	2	Bình	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch và máy xét nghiệm tế bào dòng chảy; Thành phần chính: KOH 1 – 5%. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Bình	G7
3.66	Dung dịch kiểm tra máy	2	Hộp	Dung dịch kiểm tra hệ thống dùng cho Hệ thống xét nghiệm miễn dịch Access trong quy trình kiểm tra bảo trì hệ thống hàng tuần; Thành phần chính: Phosphatase kiềm, albumin huyết thanh bò (BSA), ProClin, natri azit. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
3.67	Dung dịch pha loãng mẫu	2	Hộp	Dung dịch pha loãng mẫu dùng cho xét nghiệm Access nhằm pha loãng mẫu bệnh nhân chứa nồng độ chất phân tích lớn hơn chất hiệu chuẩn S5 đặc hiệu với chất phân tích; Thành phần chính: Chất nền albumin huyết thanh bò (BSA) đệm có chất hoạt tính bề mặt, natri azit, ProClin. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
3.68	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 1 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chi tố khối u)	2	Lọ	Vật liệu kiểm soát 71 thông số miễn dịch; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	G7
3.69	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 2 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chi tố khối u)	2	Lọ	Vật liệu kiểm soát 71 thông số miễn dịch; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	G7
3.70	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm miễn dịch mức 3 (có giá trị cho cả các xét nghiệm chi tố khối u)	2	Lọ	Vật liệu kiểm soát 71 thông số miễn dịch; Vật liệu kiểm soát ổn định dạng lỏng được chế tạo từ huyết thanh người, nồng độ các chất phân tích được điều chỉnh bằng nhiều loại hóa chất và chế phẩm tinh khiết từ mô người hoặc dịch cơ thể. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	G7
4	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch phương pháp điện hóa phát quang (Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy xét nghiệm) để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 55 Luật Đấu thầu năm 2023)						
4.1	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm AFP (alpha1-fetoprotein)	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AFP. Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng AFP trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.2	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Ferritin	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Ferritin. Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Ferritin trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm FT3	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT3. Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng FT3 trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.4	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm FT4	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4. Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng FT4 trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.5	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm PSA	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA toàn phần. Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng total PSA trên các máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.6	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PSA tự do	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA tự do. Được dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng free PSA trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.7	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm TSH	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH. Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng TSH trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.8	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm HBeAg	3	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính HBeAg. Được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch HBeAg trên máy phân tích miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu

1	2	3	4	5	6	7	8
4.9	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể kháng HBeAg	3	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể kháng HBeAg. Được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Anti-HBe trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.10	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Troponin T	3	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Troponin T. Được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch Troponin T hs trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.11	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Troponin T	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm Troponin T. Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin T hs trên máy xét nghiệm miễn dịch Điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.12	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể kháng Rubella IgG	3	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng kháng thể IgG kháng vi rút Rubella. Được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Rubella IgG trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.13	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể kháng HBcAg	3	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể toàn phần (IgG và IgM) kháng HBcAg. Được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Anti-HBc trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.14	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể kháng Rubella IgM	3	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng vi rút Rubella. Được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Rubella IgM trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.15	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CYFRA 21-1	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CYFRA 21-1. Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CYFRA 21-1 trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.16	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CEA	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA. Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CEA trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.17	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm HCG, beta-HCG	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng HCG+beta. Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng HCG+beta trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.18	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 72-4	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 72-4. Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 72-4 trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.19	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể kháng Syphilis	3	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể kháng Treponema pallidum. Được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Syphilis trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.20	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm NT-proBNP	3	Hộp	Chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng NT-proBNP II trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.21	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm CA 19-9	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9. Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9 trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.22	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng cortisol	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng cortisol. Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Cortisol II trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu

1	2	3	4	5			
4.23	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm NT-proBNP	3	Hộp	Mẫu chứng được dùng để kiểm tra độ đúng và độ chính xác của xét nghiệm miễn dịch trên máy điện hóa phát quang: CK-MB, CK-MB STAT, Digitoxin, Digoxin, Myoglobin, Myoglobin STAT, proBNP II, proBNP II STAT và GDF-15. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.24	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể kháng HAV	3	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể toàn phần (IgG và IgM) kháng vi rút viêm gan A (HAV). Được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.25	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể kháng HBsAg	3	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng kháng thể của người kháng HBsAg. Được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Anti-HBs II trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.26	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể kháng HBcAg	3	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể toàn phần (IgG và IgM) kháng HBcAg. Được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Anti-HBc trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.27	Cốc nhỏ dùng để chứa mẫu. Đóng gói 5000 cái	3	Hộp	Cốc bằng nhựa dùng để đựng thuốc thử. Ống nhựa chứa mẫu phân tích. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.28	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 24 thông số miễn dịch	6	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng 24 thông số miễn dịch được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.29	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng nguyên và kháng thể kháng HIV	3	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng nguyên HIV-1 p24 và kháng thể kháng HIV-1 (bao gồm nhóm O) và HIV-2. Được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Elecsys HIV combi PT trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.30	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Ung thư	6	Hộp	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng AFP, CA 125, CA 15-3, CA 19-9, CA 72-4, CEA, CYFRA 21-1, Ferritin, PSA, HCG, NS. Được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.31	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm HBsAg	3	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng nguyên HBs. Được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm HBsAg trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.32	Dung dịch pha loãng mẫu xét nghiệm miễn dịch. Đóng gói 2 x 16 ml	3	Hộp	Dung dịch pha loãng mẫu xét nghiệm miễn dịch, được sử dụng như chất pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.33	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng Vitamin B12, Ferritin, Folate, β CTx, Osteocalcin, PTH, P1NP, Vitamin D, Calcitonin	3	Hộp	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng Vitamin B12, Ferritin, Folate, β CTx, Osteocalcin, PTH, P1NP, Vitamin D, Calcitonin. Được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.34	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể IgM kháng vi rút viêm gan A	3	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng vi rút viêm gan A. Được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Anti-HAV IgM trên máy phân tích xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu

		4		5	6	7	8
4.35	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể kháng HCV	3	Hộp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng thể kháng HCV. Được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Anti-HCV II trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.36	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm free beta-hCG	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Free HCGbeta. Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng free β hCG trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.37	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm PAPP-A	3	Hộp	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PAPP-A. Được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng PAPP-A trên máy xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.38	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng HAV	5	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng thể toàn phần (IgG và IgM) kháng vi rút viêm gan A (HAV) trong huyết thanh và huyết tương người Anti-HAV. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): <20 phút Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.39	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng HBcAg	5	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng thể IgG và IgM kháng kháng nguyên lõi của vi rút viêm gan B trong huyết thanh và huyết tương người Anti-HBc Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): <30 phút Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.40	Thuốc thử xét nghiệm PSA tự do	5	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt tự do trong huyết thanh và huyết tương người free PSA Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): <20 phút Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á
4.41	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể IgM kháng HBcAg	5	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng thể IgM kháng kháng nguyên lõi của vi rút viêm gan B trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): <20 phút Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.42	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng free β hCG, PAPP-A, Androstenedione, Estradiol, Progesterone, Testosterone	3	Hộp	Vật liệu kiểm soát các xét nghiệm định lượng free β hCG, PAPP-A, Androstenedione, Estradiol, Progesterone, Testosterone, để kiểm soát chất lượng xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.43	Dung dịch vệ sinh điện cực xét nghiệm điện giải. Đóng gói 5 x 100 mL	3	Hộp	Dùng để vệ sinh đơn vị ISE trên máy phân tích miễn dịch điện hóa phát quang. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.44	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng HBsAg	5	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng thể của người kháng kháng nguyên e của vi rút viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. Thời gian xét nghiệm (phút): <20 phút Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu

1	2	3	4	5	6	7	8
4.45	Thuốc thử xét nghiệm Ferritin	5	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng ferritin trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): <20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á
4.46	Thuốc thử xét nghiệm HBeAg	5	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng nguyên e của vi rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): <20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.47	Thuốc thử xét nghiệm HCG, beta-HCG	20	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng tổng của kích tố sinh dục màng đệm của người (hCG) và tiểu đơn vị β hCG trong huyết thanh và huyết tương người HCG+BETA Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): <20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.48	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng HAV IgM	5	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng thể IgM kháng vi rút viêm gan A trong huyết thanh và huyết tương người ANTI-HAV IGM Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): <20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.49	Thuốc thử xét nghiệm định lượng cortisol	5	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng cortisol trong huyết thanh, huyết tương và nước bọt người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): <20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.50	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng Syphilis	6	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính các kháng thể kháng Treponema pallidum trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.51	Thuốc thử xét nghiệm CYFRA 21-1	6	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng CYFRA 21-1 trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á
4.52	Thuốc thử xét nghiệm free beta-hCG	15	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng β hCG tự do (tiểu đơn vị β tự do của kích tố sinh dục màng đệm ở người) trong huyết thanh người. Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.53	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng HBs	18	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng thể của người kháng kháng nguyên bề mặt của vi rút viêm gan B trong huyết thanh và huyết tương người Anti-HBs. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu

1	2	3	4	5	6	7	8
4.54	Thuốc thử xét nghiệm CA 19-9	5	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng CA 19-9 trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á
4.55	Thuốc thử xét nghiệm PSA	12	Hộp	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PSA toàn phần trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á
4.56	Thuốc thử xét nghiệm PCT (procalcitonin)	4	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.57	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng Rubella IgG	6	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng kháng thể IgG kháng vi rút Rubella trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.58	Thuốc thử xét nghiệm AFP (alpha1-fetoprotein)	25	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng α 1-fetoprotein trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.59	Thuốc thử xét nghiệm CEA	12	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng CEA trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á
4.60	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng nguyên HIV-1 p24 và kháng thể kháng HIV-1, bao gồm nhóm O, và HIV-2	20	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng nguyên HIV-1 p24 và kháng thể kháng HIV-1, bao gồm nhóm O, và HIV-2 trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.61	Thuốc thử xét nghiệm PAPP-A	8	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng protein A huyết tương liên quan đến thai kỳ trong huyết thanh người PAPP-A Phương pháp xét nghiệm: Miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.62	Thuốc thử xét nghiệm FT3	10	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng FT3 (triiodothyronine tự do) trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á

1	2	3	4	5	6	7	8
4.63	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng Rubella IgM	4	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng thể IgM kháng vi rút Rubella trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.64	Vật tư tiêu hao Cúp và tip dùng hút mẫu, QC, và chất chuẩn trên hệ thống xét nghiệm miễn dịch. Đóng gói 36 x (105 tip + 105 cup) + 3 hộp giấy thải	40	Hộp	Đầu côn hút mẫu và cốc chứa hỗn hợp phản ứng, vật liệu nhựa với 105 đầu côn hút mẫu và 105 cốc phản ứng trên cùng một khay. Được sử dụng như là vật tư tiêu hao trên máy phân tích miễn dịch. <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á
4.65	Thuốc thử xét nghiệm NT-proBNP	15	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng NT-proBNP (N-terminal pro B-type natriuretic peptide) trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.66	Thuốc thử xét nghiệm HBsAg	25	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.67	Chất pha loãng mẫu trong xét nghiệm miễn dịch. Đóng gói 2 x 16 mL	3	Hộp	Chất pha loãng mẫu trong xét nghiệm miễn dịch. Được sử dụng như chất pha loãng mẫu kết hợp với thuốc thử xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang. <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.68	Thuốc thử xét nghiệm CA 72-4	18	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng CA 72-4 trong huyết thanh và huyết tương người. -Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.69	Thuốc thử xét nghiệm TSH	25	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng TSH trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á
4.70	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa.	80	Hộp	Dung dịch điều hòa điện cực, rửa phản ứng, tạo tín hiệu điện hóa xét nghiệm miễn dịch. Vật tư tiêu hao là dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hóa cho máy phân tích xét nghiệm miễn dịch <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á
4.71	Dung dịch rửa điện cực xét nghiệm miễn dịch.	80	Hộp	Dung dịch hệ thống rửa điện cực xét nghiệm miễn dịch. Là dung dịch hệ thống dùng để rửa bộ phát hiện của máy phân tích xét nghiệm miễn dịch <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á
4.72	Thuốc thử xét nghiệm kháng thể kháng HCV	12	Hộp	Xét nghiệm chẩn đoán in vitro dùng để phát hiện định tính kháng thể kháng vi rút viêm gan C (HCV) trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu

2	3	4	5	6	7	8	
4.73	Thuốc thử xét nghiệm FT4	25	Hộp	Xét nghiệm miễn dịchThời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút in vitro dùng để định lượng FT4 (thyroxine tự do) trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.74	Thuốc thử xét nghiệm Troponin T	12	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch in vitro dùng để định lượng troponin T tim trong huyết thanh và huyết tương người. Phương pháp xét nghiệm: Xét nghiệm miễn dịch điện hóa phát quang Thời gian xét nghiệm (phút): < 20 phút Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
4.75	Dung dịch rửa phản ứng trước khi tạo tín hiệu phát hiện phản ứng miễn dịch.	40	Hộp	Dung dịch rửa phản ứng trước khi tạo tín hiệu phát hiện phản ứng miễn dịch. Dung dịch rửa dùng để loại bỏ các chất có tiềm năng gây nhiễu việc phát hiện các tín hiệu. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á
5	Hóa chất xét nghiệm miễn dịch phương pháp vi hạt hoá phát quang (Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy xét nghiệm) để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 55 Luật Đầu thầu năm 2023)						
5.1	Nước rửa kim hút mẫu máy miễn dịch	1	Hộp	Dung dịch dưỡng kim. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.2	Hoá chất chuẩn β -hCG	2	Hộp	Được sử dụng cho hiệu chuẩn khi thực hiện định tính và định lượng nội tiết tố beta human chorionic gonadotropin (β -hCG) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.3	Hoá chất hiệu chứng CA 19-9	1	Hộp	Được sử dụng để ước tính độ chính xác và phát hiện độ lệch phân tích (thuốc thử, mẫu chuẩn và thiết bị), khi thực hiện định lượng các chất quyết định phản ứng 1116-NS-19-9 trong huyết thanh hay huyết tương người. Mẫu chứng có chứa các chất quyết định phản ứng 1116-NS-19-9 (từ người) được điều chế trong dung dịch đệm TRIS với chất ổn định protein (từ bò). Chất bảo quản: ProClin 300 và natri azide. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.4	Hoá chất chuẩn HBsAg Qualitative II	3	Hộp	Được sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện định tính và khẳng định có kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.5	Hoá chất chuẩn Anti-HBs	2	Hộp	Được dùng để hiệu chuẩn hệ thống khi thực hiện định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (antiHBs) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.6	Hoá chất hiệu chứng Anti-HBs	2	Hộp	Sử dụng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch phân tích khi thực hiện định lượng kháng thể kháng kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (anti-HBs) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.7	Hoá chất chuẩn FT3	2	Hộp	Được sử dụng để hiệu chuẩn hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định lượng triiodothyronine tự do (Free T3) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.8	Hoá chất hiệu chứng FT3	2	Hộp	Sử dụng để ước tính độ chính xác và phát hiện sai số khi thực hiện xét nghiệm định lượng triiodothyronine tự do (Free T3) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.9	Hoá chất chuẩn FT4	2	Hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định lượng thyroxine tự do (Free T4) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu

1	2	3	4	5	6	7	8
5.10	Hoá chất hiệu chứng FT4	2	Hộp	Sử dụng để kiểm tra độ xác thực và chính xác hệ thống khi thực hiện định lượng thyroxine tự do (Free T4) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.11	Hoá chất chuẩn TSH	2	Hộp	Dùng trong hiệu chuẩn hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định lượng hormon kích thích tuyến giáp người (TSH) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.12	Hoá chất hiệu chứng TSH	2	Hộp	Sử dụng để kiểm tra độ xác thực và độ chính xác khi thực hiện định lượng hormon kích thích tuyến giáp người (TSH) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.13	Hoá chất hiệu chứng Troponin-I	2	Hộp	Để ước tính độ chính xác và phát hiện sai số hệ thống khi xét nghiệm định lượng troponin I (cTnI) trong mẫu huyết thanh và huyết tương. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.14	Hoá chất chuẩn Anti-HCV	2	Hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể kháng virus viêm gan C (Anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.15	Hoá chất xét nghiệm HE4	2	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên HE4 trong huyết thanh người sử dụng công nghệ CMIA với quy trình xét nghiệm linh hoạt - Bảo quản trên hệ thống tối đa 30 ngày - Khoảng đo dao động từ 20,0 pmol/L đến 1500,0 pmol/L. - Giới hạn phát hiện(LoD) ≤ 15 pmol/L và Giới hạn Định lượng (LoQ) ≤ 20 pmol/L. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.16	Hóa chất xét nghiệm Rubella IgM	5	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang tự động để phát hiện định tính các kháng thể IgM kháng virus Rubella trong huyết thanh và huyết tương người, có quy cách xét nghiệm linh hoạt - độ chính xác $\leq 10\%$ CV toàn phần. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.17	Hoá chất chuẩn HIV Ag/Ab Combo	3	Hộp	Được dùng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch typ 1 và/hoặc typ 2 (HIV-1/HIV-2) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.18	Hoá chất hiệu chứng Ag/Ab Combo	3	Hộp	Dùng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch typ 1 và/hoặc typ 2 (HIV-1/HIV-2) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.19	Hoá chất chuẩn Troponin-I	4	Hộp	Để hiệu chuẩn hệ thống khi xét nghiệm định lượng troponin I (cTnI) trong mẫu huyết thanh và huyết tương. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.20	Hoá chất xét nghiệm HAVAb-IgM	8	Hộp	Xét nghiệm HAVAb-IgM là xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang tự động để phát hiện định tính IgM anti-HAV trong huyết thanh và huyết tương người sử dụng công nghệ CMIA với quy trình xét nghiệm linh hoạt. - Thời gian bảo quản tối đa trên hệ thống là 30 ngày Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
5.21	Hóa chất xét nghiệm CA15-3	5	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên xác định DF3 trong huyết thanh và huyết tương người sử dụng công nghệ CMIA với quy trình xét nghiệm linh hoạt. - Độ chính xác xét nghiệm là $\leq 8\%$ CV toàn phần. - Độ nhạy $\leq 0,5$ U/mL. - Độ đặc hiệu trung bình $\leq 12\%$. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.22	Nắp hộp hóa chất	5	Hộp	Màng ngăn. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.23	Hóa chất xét nghiệm proBNP	5	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng peptide lợi niệu natri type B có acid amin đầu N tận cùng trong huyết thanh và huyết tương người sử dụng công nghệ CMIA với quy trình xét nghiệm linh hoạt. - Bảo quản tối đa đến khi hết hạn sử dụng khi chưa mở nắp ở nhiệt độ 2-8 độ C - Giới hạn định lượng (8.2 pg/mL) đến 35 000.0 pg/mL (1.0 đến 4130.0 pmol/L). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.24	Hóa chất xét nghiệm CA 125 II	7	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên xác định bởi OC 125 trong huyết thanh và huyết tương người sử dụng công nghệ CMIA với quy trình xét nghiệm linh hoạt. - Độ chính xác $\leq 10\%$ CV toàn phần - Độ nhạy $\leq 1,0$ U/mL - Độ đặc hiệu trung bình $\leq 12\%$ <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.25	Hóa chất xét nghiệm Rubella IgG	8	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng và phát hiện định tính các kháng thể IgG kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.26	Hoá chất xét nghiệm Anti-TPO	2	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng thể IgG của kháng thể tự thân với men peroxidase của tuyến giáp (anti-TPO) trong huyết thanh và huyết tương người. - Độ chính xác $\leq 10\%$ CV toàn phần cho mẫu có nồng độ $\geq 5,61$ IU/mL. - Độ nhạy phân tích $\leq 1,0$ IU/mL - Độ tuyến tính giữa 3,0 và 1000,0 IU/mL <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.27	Hóa chất xét nghiệm Syphilis TP	10	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.28	Hoá chất xét nghiệm kháng nguyên e viêm gan B (HBcAg Reagent kit)	10	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định tính và định lượng kháng nguyên e virus viêm gan B (HBcAg) trong huyết thanh và huyết tương người Độ nhạy $\geq 99,5\%$. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
5.29	Hóa chất xét nghiệm Total PSA	10	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng PSA toàn phần (cả PSA tự do và PSA phức hợp với alpha-1-antichymotrypsin) trong huyết thanh người. - Độ chính xác $\leq 8\%$ - Khoảng đo (báo cáo) là 0,008 ng/mL đến 100 ng/mL. - Độ hồi phục trung bình là 95,9% với giá trị dao động trong khoảng 89,8% đến 99,6%. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.30	Hóa chất xét nghiệm PCT	4	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương người - Khoảng đo: 0,02 đến 100,00 ng/mL (0,02 đến 100,00 $\mu\text{g/L}$). LoB: 0,00 ng/mL; LoD: 0,00 ng/mL; LoQ: 0,01 ng/mL; Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.31	Hóa chất xét nghiệm CYFRA 21-1	14	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng các mảnh cytokeratin 19 trong huyết thanh và huyết tương người - LoB: 0,02 ng/mL; LoD: 0,09 ng/mL; LoQ: 0,17 ng/mL Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.32	Hóa chất xét nghiệm B-hCG	15	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng và định tính beta human chorionic gonadotropin (β -hCG) trong huyết thanh và huyết tương người. - Độ nhạy phân tích xét nghiệm là $\leq 1,2 \text{ mIU/mL}$. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.33	Hóa chất xét nghiệm CA 19-9	9	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng chất xác định phản ứng 1116-NS-19-9 trong huyết thanh hay huyết tương người - Khoảng hiệu chuẩn từ 0 đến 1200 U/mL. - Độ chính xác xét nghiệm $\leq 10\%$ CV toàn phần Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.34	Hóa chất xét nghiệm CEA	13	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng nguyên ung thư phôi carcinoembryonic (CEA) trong huyết thanh và huyết tương người - Độ chính xác $\leq 8\%$. - Độ nhạy phân tích được tính toán nhỏ hơn 0,5 ng/mL ở độ tin cậy 95% Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.35	Dung dịch pre- trigger chạy trên máy miễn dịch	19	Thùng	Dung dịch hydrogen peroxide được sử dụng để tách thuốc nhuộm acridinium ra khỏi liên hợp liên kết với phức hợp vi hạt. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Thùng	Châu Âu
5.36	Cồng phản ứng.	13	Thùng	Cồng phản ứng. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Thùng	G7
5.37	Hóa chất xét nghiệm AFP	13	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng alpha-fetoprotein (AFP) trong huyết thanh, huyết tương người. - Giới hạn phát hiện (LoD) $\leq 1,0 \text{ ng/mL}$ và Giới hạn Định lượng (LoQ) $\leq 2,0 \text{ ng/mL}$. - LoB được xác định là 0,0 ng/mL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu

1	2	3	4	5	6	7	8
5.38	Dung dịch trigger chạy trên máy miễn dịch	19	Hộp	Dung dịch natri hydroxit được sử dụng để tạo ra phản ứng phát quang hóa học cung cấp kết quả đọc cuối cùng. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.39	Hóa chất xét nghiệm Anti-HBs	24	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng kháng thể kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (anti-HBs) trong huyết thanh và huyết tương người - LoB = 0,50 mIU/mL ; LoD = 0,98 mIU/mL; LoQ = 2,50 mIU/mL Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.40	Hoá chất xét nghiệm Anti-HCV	28	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C (anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.41	Hóa chất xét nghiệm Troponin-I	25	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng troponin I tim (cTnI) trong huyết tương và huyết thanh người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.42	Hoá chất xét nghiệm HBsAg Qualitative II	52	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong mẫu huyết thanh và huyết tương người - Độ đặc hiệu > 99,5% trên mẫu từ người hiến máu. - Độ nhạy phân tích trung bình từ 0,019 đến 0,020 IU/mL. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.43	Hoá chất xét nghiệm HIV Ag/Ab Combo	27	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để phát hiện định tính đồng thời kháng nguyên HIV p24 và các kháng thể kháng virus gây suy giảm miễn dịch ở người loại 1 và/hoặc loại 2 (HIV-1/HIV-2) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.44	Hóa chất xét nghiệm FT3	38	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng triiodothyronine tự do (Free T3) trong huyết thanh và huyết tương người Giới hạn định lượng (LoQ) ≤ 1,5 pg/mL Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.45	Hóa chất xét nghiệm FT4	37	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng thyroxine tự do (Free T4) trong huyết thanh và huyết tương người Giới hạn định lượng (Limit of Quantitation - LoQ) ≤ 0,4 ng/dL Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.46	Hóa chất xét nghiệm TSH	38	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hoá phát quang để định lượng hormon kích thích tuyến giáp ở người (thyroidstimulating hormone - TSH) trong huyết thanh và huyết tương người Độ chính xác ≤ 10% (CV toàn phần). Độ nhạy chức năng ≤ 0,01 µIU/mL Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.47	Dung dịch rửa dùng trên máy miễn dịch	63	Thùng	Nước rửa sử dụng trên máy. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Thùng	Châu Âu
5.48	Hoá chất chuẩn AFP	2	Hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện định lượng alphafetoprotein (AFP) trong huyết thanh, huyết tương và dịch màng ối. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.49	Hoá chất hiệu chứng AFP	1	Hộp	Sử dụng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch phân tích khi thực hiện định lượng alpha-fetoprotein (AFP) trong huyết thanh, huyết tương và dịch màng ối. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu

1	2	3	4	5	6	7	8
5.50	Hoá chất hiệu chứng Total PSA	1	Hộp	Sử dụng để kiểm tra độ xác thực và độ chính xác khi thực hiện xét nghiệm định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt toàn phần (cả PSA dạng tự do và phức hợp PSA với alpha-1-antichymotrypsin) trong huyết thanh người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.51	Hoá chất chuẩn Total PSA	2	Hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt toàn phần (cả dạng PSA tự do và phức hợp PSA với alpha-1 antichymotrypsin) trong huyết thanh người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.52	Hoá chất chuẩn HE4	1	Hộp	Sử dụng cho hiệu chuẩn khi thực hiện định lượng kháng nguyên HE4 trong huyết thanh người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.53	Hoá chất hiệu chứng HE4	1	Hộp	Sử dụng để kiểm tra độ xác thực và độ chính xác khi thực hiện định lượng kháng nguyên HE4 trong huyết thanh người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.54	Hoá chất chuẩn CYFRA 21-1	2	Hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện định lượng các phân mảnh cytokeratin 19 ở người trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.55	Hoá chất hiệu chứng CYFRA 21-1	2	Hộp	Sử dụng để kiểm tra độ xác thực và độ chính xác khi thực hiện xét nghiệm định lượng các phân mảnh cytokeratin 19 ở người trong mẫu huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.56	Hoá chất chuẩn CEA	2	Hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định lượng Carcinoembryonic Antigen (CEA) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.57	Hoá chất hiệu chứng CEA	1	Hộp	Sử dụng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện các độ lệch phân tích khi thực hiện xét nghiệm định lượng Kháng nguyên Carcinoembryonic (CEA) trong huyết thanh hay huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.58	Hoá chất hiệu chứng B-hCG	1	Hộp	Được dùng trong kiểm soát chất lượng để theo dõi độ xác thực và độ chính xác của hệ thống xét nghiệm Total b-hCG trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.59	Chất hiệu chuẩn CA 15-3	2	Hộp	Được sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định lượng kháng nguyên xác định DF3 trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.60	Hoá chất hiệu chứng CA 15-3	1	Hộp	Được sử dụng để kiểm tra độ xác thực và độ chính xác khi thực hiện định lượng kháng nguyên xác định DF3 trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.61	Hoá chất chuẩn CA 125 II	2	Hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định lượng kháng nguyên được xác định bởi OC 125 trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.62	Hoá chất hiệu chứng CA 125 II	1	Hộp	Sử dụng để kiểm tra độ xác thực và độ chính xác khi thực hiện định lượng kháng nguyên xác định bởi OC125 trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.63	Hoá chất chuẩn Rubella IgG	2	Hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định lượng và phát hiện định tính kháng thể IgG kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương người, giúp xác định tình trạng miễn dịch với rubella. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu

1	2	3	4	5	6	7	8
5.64	Hoá chất hiệu chứng Rubella IgG	1	Hộp	Sử dụng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch phân tích khi thực hiện xét nghiệm định lượng và định tính, phát hiện kháng thể IgG kháng virus rubella trong huyết thanh và huyết tương người, giúp xác định tình trạng miễn dịch với rubella. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.65	Hoá chất chuẩn Rubella IgM	2	Hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng virus Rubella trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.66	Hoá chất hiệu chứng Rubella IgM	1	Hộp	Dùng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch phân tích khi thực hiện định tính phát hiện kháng thể IgM kháng virus Rubella trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.67	Hóa chất chuẩn Syphilis TP	2	Hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn hệ thống ARCHITECT iSystem cho phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.68	Hóa chất hiệu chứng Syphilis TP	1	Hộp	Sử dụng để ước tính độ chính xác và phát hiện độ lệch sai số cho phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (TP) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.69	Hoá chất hiệu chứng HBsAg Qualitative	3	Hộp	Được dùng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch khi thực hiện xét nghiệm định tính và khẳng định có kháng nguyên bề mặt virus viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.70	Hoá chất chuẩn HBeAg	2	Hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm phát hiện định tính HBeAg (kháng nguyên vỏ của virus viêm gan B) trong mẫu huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.71	Hoá chất hiệu chứng HBeAg	2	Hộp	Sử dụng để kiểm tra độ xác thực và độ chính xác khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện kháng nguyên e của virus viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.72	Hoá chất chuẩn PCT	2	Hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.73	Hoá chất hiệu chứng PCT	2	Hộp	Dùng để ước tính độ chính xác và phát hiện độ lệch hệ thống khi thực hiện định lượng procalcitonin (PCT) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.74	Hoá chất chuẩn proBNP	2	Hộp	Dùng để hiệu chuẩn khi thực hiện định lượng peptide lợi niệu natri tít B có acid amin đầu N tận cùng (NT-proBNP) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.75	Hoá chất hiệu chứng proBNP	1	Hộp	Được dùng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch phân tích khi thực hiện định lượng peptide lợi niệu natri tít B có amino acid đầu N tận cùng (NT-pro BNP) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.76	Hoá chất hiệu chứng Anti HCV	2	Hộp	Sử dụng để kiểm tra việc hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể kháng virus viêm gan C (Anti-HCV) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.77	Hoá chất chuẩn HAVAb-IgM	1	Hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể IgM kháng virus viêm gan A (IgM anti-HAV) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
5.78	Hoá chất hiệu chứng HAVAb-IgM	2	Hộp	Dùng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch phân tích khi thực hiện định tính phát hiện kháng thể IgM kháng virus viêm gan A (IgM anti-HAV) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.79	Hoá chất chuẩn Anti-TPO	2	Hộp	Để hiệu chuẩn cho định lượng IgG của tự kháng thể thyroid peroxidase (anti-TPO) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.80	Hoá chất hiệu chứng Anti-TPO	2	Hộp	Dùng để ước tính độ chính xác và phát hiện sai số khi thực hiện xét nghiệm định lượng lớp kháng thể IgG của tự kháng thể kháng peroxidase tuyến giáp (anti-TPO) trong huyết thanh hay huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.81	Chất kiểm chứng hằng thứ 3 cho các xét nghiệm miễn dịch 3 mức	1	Hộp	Để đánh giá độ lặp lại của các phương pháp và kỹ thuật, và là một phần thiết yếu của thực hành xét nghiệm hiệu quả. Sử dụng ba nồng độ QC để theo dõi hiệu năng trong khoảng giới hạn nồng độ phân tích. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.82	Hoá chất chuẩn CA 19-9	2	Hộp	Được sử dụng để hiệu chuẩn hệ thống khi thực hiện định lượng chất phản ứng 1116-NS-19-9 trong huyết thanh hay huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.83	Hoá chất xét nghiệm HAVAb-IgG	2	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang (CMIA) để xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể IgG kháng virus viêm gan A (IgG anti-HAV) trong huyết thanh và huyết tương người Độ nhạy $\geq 98\%$ Độ đặc hiệu $\geq 99,17\%$ Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.84	Hoá chất chuẩn HAVAb-IgG	1	Hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể IgG kháng virus viêm gan A (IgG anti-HAV) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.85	Hoá chất hiệu chứng HAVAB-IgG	1	Hộp	Dùng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch phân tích hệ thống khi thực hiện định tính phát hiện kháng thể IgG kháng virus viêm gan A (IgG anti-HAV) trong huyết thanh và huyết tương người Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.86	Hoá chất chuẩn Anti-HBc II	1	Hộp	Mẫu chuẩn sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể kháng nguyên lõi virus viêm gan B (Anti-HBc) trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần là huyết tương người đã canxi hóa và các chất nhuộm. Mẫu chuẩn có phản ứng với anti-HBc. Chất bảo quản: ProClin 950 và natri azide. Nồng độ: 0,5 (PEI U/mL) Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
5.87	Hoá chất hiệu chứng Anti-HBc II	1	Hộp	Mẫu chứng sử dụng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch phân tích hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể kháng kháng nguyên lõi virus viêm gan B (anti-HBc) trong huyết thanh và huyết tương người. Mẫu chứng Âm có chứa huyết tương người đã canxi hóa. Mẫu chứng Dương có chứa huyết tương người đã canxi hóa và chất nhuộm, và có phản ứng với anti-HBc. Chất bảo quản: ProClin 950 và natri azide. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.88	Hoá chất xét nghiệm Anti-HBc	2	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch hai bước để định tính anti-HBc trong huyết thanh và huyết tương người sử dụng công nghệ CMIA với quy trình xét nghiệm linh hoạt, còn gọi là Chemiflex. Độ nhạy xét nghiệm dao động trong khoảng từ 0,4 đến 0,5 PEI U/mL Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.89	Hoá chất chuẩn Anti-HBc IgM	1	Hộp	Mẫu chuẩn sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể IgM kháng kháng nguyên lõi virus viêm gan B (anti-HBc IgM) trong huyết thanh và huyết tương người. Thành phần có huyết tương người đã canxi hóa. Chất bảo quản: ProClin 950, ProClin300 và các tác nhân kháng vi sinh vật khác Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.90	Hoá chất hiệu chứng Anti-HBc IgM	1	Hộp	Mẫu chứng sử dụng để kiểm tra hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể IgM kháng kháng nguyên lõi virus viêm gan B (anti-HBc IgM) trong huyết thanh và huyết tương người. Mẫu chứng được điều chế trong huyết tương người đã canxi hóa. Chất bảo quản: ProClin 950, ProClin 300 và các tác nhân kháng vi sinh vật khác. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.91	Hoá chất xét nghiệm Anti-HBc IgM	2	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch hai bước phát hiện định tính anti-HBc IgM trong huyết thanh và huyết tương người sử dụng công nghệ CMIA với quy trình xét nghiệm linh hoạt, Chemiflex. Độ nhạy là 100% (212/ 212) với khoảng tin cậy 95% là 98,28– 100%. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.92	Hoá chất xét nghiệm Anti-HBe	2	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang (CMIA) để định tính kháng thể kháng kháng nguyên e của virus viêm gan B (anti-HBe) trong huyết thanh và huyết tương người, xét nghiệm được sử dụng để hỗ trợ chẩn đoán và theo dõi tình trạng nhiễm virus viêm gan B. Độ chính xác trong khoảng nồng độ (0,21 - 2,70 S/CO) là ≤ 10%. Độ nhạy ≥ 99,5% Độ đặc hiệu ≥ 99,5% Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.93	Hoá chất chuẩn Anti-HBe	1	Hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể kháng kháng nguyên vỏ virus viêm gan B (Anti-HBe) trong huyết thanh và huyết tương người. Có thành phần là huyết tương người canxi hóa không có phản ứng Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
5.94	Hoá chất hiệu chứng Anti-HBe	1	Hộp	Sử dụng để kiểm tra độ xác thực và độ chính xác khi thực hiện xét nghiệm định tính phát hiện kháng thể kháng kháng nguyên e virus viêm gan B (anti-HBe) trong huyết thanh và huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.95	Hoá chất xét nghiệm Ferritin	2	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch hai bước để xác định sự hiện diện của ferritin trong huyết thanh và huyết tương người sử dụng công nghệ CMIA với quy trình xét nghiệm linh hoạt, còn gọi là Chemiflex. Độ nhạy phân tích là ≤ 1 ng/mL Có độ chính xác $\leq 9\%$ CV toàn phần với nồng độ trong khoảng mẫu chứng nồng độ thấp, trung bình và cao Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.96	Hoá chất chuẩn Ferritin	1	Hộp	Mẫu chuẩn sử dụng khi thực hiện định lượng ferritin trong huyết thanh và huyết tương người. 2 Chai (4 mL mỗi chai), thành phần là ferritin (từ lá lách người) được chuẩn bị trong dung dịch đệm phosphate người với chất ổn định protein (từ bò). Chất bảo quản: Sodium Azide Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.97	Hoá chất hiệu chứng Ferritin	1	Hộp	Mẫu chứng sử dụng để kiểm tra độ xác thực và độ chính xác khi thực hiện định lượng ferritin trong huyết thanh và huyết tương người. 3 Chai (8 mL mỗi chai), mẫu chứng nồng độ cao có khoảng nồng độ: 272 - 528 ng/mL Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.98	Hoá chất xét nghiệm Cortisol	2	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch chậm một bước để định lượng cortisol trong huyết thanh, huyết tương hay nước tiểu người sử dụng công nghệ CMIA với quy trình xét nghiệm linh hoạt, còn gọi là Chemiflex. Độ nhạy phân tích là ≤ 1 $\mu\text{g/dL}$. Giới hạn phát hiện là $\leq 0,8$ $\mu\text{g/dL}$. LoB = 0,23 $\mu\text{g/dL}$ và LoD = 0,40 $\mu\text{g/dL}$. Có độ tuyến tính giữa 1 và 59,8 $\mu\text{g/dL}$ Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.99	Hoá chất chuẩn Cortisol	1	Hộp	Mẫu chuẩn sử dụng cho hiệu chuẩn khi thực hiện định lượng cortisol trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người. 6 chai (4,0 mL mỗi chai). Mẫu chuẩn A - F có thành phần huyết thanh người, mẫu chuẩn C có nồng độ: 149,0 (nmol/L) Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.100	Architect C-Peptide Reagent Kit	2	Hộp	Xét nghiệm miễn dịch vi hạt hóa phát quang (CMIA) để định lượng C-peptide trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu. Xét nghiệm C-Peptide được sử dụng để hỗ trợ chẩn đoán và điều trị bệnh nhân có bài tiết insulin bất thường, bao gồm cả bệnh đái tháo đường. Độ chính xác CV toàn phần $\leq 10\%$. Độ nhạy ≤ 0.01 ng/mL Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.101	Architect C-Peptide Controls	1	Hộp	Sử dụng để ước tính độ chính xác của xét nghiệm và phát hiện độ lệch phân tích hệ thống của hệ thống khi thực hiện xét nghiệm định lượng C-peptide trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
5.102	Architect C-Peptide Calibrators	1	Hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện định lượng C-peptide trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu

1	2	3	4	5	6	7	8
5.103	ARCHITECT Stat CK-MB Reagent Kit	2	Hộp	Xét nghiệm hai bước để xác định sự tồn tại của isoenzyme MB của creatine kinase (CK-MB) trong huyết thanh và huyết tương người sử dụng công nghệ CMIA với quy trình xét nghiệm linh hoạt, Chemiflex độ lặp lại $\leq 10\%$ CV toàn phần Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.104	ARCHITECT Stat CK-MB Calibrators	1	Hộp	Sử dụng để hiệu chuẩn khi thực hiện xét nghiệm định lượng CK-MB trong huyết thanh và huyết tương người Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
5.105	ARCHITECT Stat CK-MB Controls	1	Hộp	Sử dụng để kiểm tra độ xác thực và độ chính xác có quy trình linh hoạt STAT cho xét nghiệm định lượng CK-MB trong huyết thanh và huyết tương người Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
6	Hóa chất xét nghiệm huyết học tự động (Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy xét nghiệm) để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 55 Luật Đấu thầu năm 2023)						
6.1	Dung dịch rửa máy (Enzymatic Cleaner Concentrate)	8	Hộp	Là một chất vệ sinh đặc biệt sử dụng trên máy xét nghiệm huyết học. - Subtilisin $<5,0\%$ - Polyoxyethylene Ether $<10,0\%$ Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
6.2	Hóa chất xét nghiệm Hemoglobin (CN-FREE HGB Lyse Reagent)	19	Hộp	Thành phần: Quaternary Ammonium Salt $<10\%$ Hydroxylamine Salt $<3\%$ Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
6.3	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm huyết học	27	Hộp	Là vật liệu kiểm soát chất lượng cho xét nghiệm huyết học có dạng máu toàn phần, để theo dõi kết quả xét nghiệm. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
6.4	Dung dịch tách phân bạch cầu (WBC Lyse Reagent)	85	Hộp	Thành phần: Buffer $<1.00\%$ Aromatic Oxy-Alcohol $<1.00\%$ Polyoxy ethylene Ether $<0.10\%$ Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
6.5	Dung dịch pha loãng mẫu	134	Hộp	Thành phần: Sodium Phosphate, Dibasic $<0.3\%$ Potassium Phosphate, Monobasic $<0.05\%$ Disodium EDTA, Dihydrate $<0.03\%$ Sodium Chloride $<1.0\%$ Potassium Chloride $<0.05\%$ Surfactant $<0.002\%$ Preservatives $<0.04\%$ Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
7	Hóa chất xét nghiệm huyết học tự động 33 thông số (Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy xét nghiệm) để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 55 Luật Đấu thầu năm 2023)						

1	2	3	4	5	6	7	8
7.1	Dung dịch pha loãng	660	Hộp	Tính năng: sử dụng làm dung dịch đệm đẳng trương cùng với chất phân hủy không chứa cyanide để đếm và định cỡ các tế bào máu trên tất cả các Hệ thống phân tích tế bào. Thành phần: Natri sunfat: 13,73 g/L Natri clorua: 1,04 g/L Tetracaine HCL: 0,02 g/L Imidazole: 2,85 g/L Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á
7.2	Dung dịch ly giải hồng cầu	36	Hộp	Tính năng: Chất phân hủy hồng cầu để định lượng hemoglobin, đếm NRBC, đếm và định cỡ bạch cầu trên hệ thống phân tích tế bào (công suất ≥ 100 xét nghiệm/giờ). Thành phần: Muối amoni bậc bốn: 5–80 g/L Natri sunfit: 1–5 g/L Chất ổn định. Chất đệm. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á
7.3	Dung dịch ly giải bạch phân	52	Hộp	Tính năng: ly giải hồng cầu và bảo vệ bạch cầu trên hệ thống phân tích tế bào. Thành phần: + Thuốc thử: Chất làm ướt : 0,3–1,5 g/L Axit focmic : 1,2 mL/L + Thuốc thử: Natri cacbonat : 6 g/L Natri clorua : 14,5 g/L Natri sunfat : 31,3 g/L . Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á
7.4	Dung dịch rửa	36	Hộp	Tính năng: chất tẩy rửa để sử dụng trên các cấu phần của Hệ thống phân tích tế bào tiếp xúc với các mẫu máu Thành phần: Một dung dịch chứa enzym hủy protein. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á
7.5	Chất kiểm chuẩn CP-X	4	Lọ	Tính năng: Chất kiểm chuẩn được thiết kế để sử dụng trên các Hệ thống phân tích tế bào cùng với thuốc thử đặc hiệu. Chất kiểm chuẩn này được sử dụng để theo dõi các giá trị đo thông số thể tích, tính dẫn và độ tán xạ ánh sáng Thành phần: Thê huyền phù của các hạt polystyrene trong chất đệm chứa chất hoạt tính bề mặt Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	G7
7.6	Chất chuẩn máy	1	Hộp	Tính năng: Hóa chất hiệu chuẩn dùng để xác định các hệ số hiệu chuẩn cho Hệ thống phân tích tế bào Thành phần: Chất hiệu chuẩn bao gồm hồng cầu người đã xử lý, ổn định và các thành phần có kích thước tiểu cầu trong chất đẳng trương. Hồng cầu cố định được thêm vào để mô phỏng bạch cầu Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
7.7	Chất kiểm chứng 6C	60	Bộ	Tính năng: kiểm soát chất lượng máu được sử dụng để theo dõi hiệu quả của hệ thống phân tích tế bào. Thành phần: bao gồm hồng cầu, bạch cầu và tiểu cầu đã xử lý và ổn định trong chất đẵng tương. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Bộ	G7
7.8	Hóa chất xét nghiệm hồng cầu lưới	1	Hộp	Tính năng: Dùng trên hệ thống phân tích tế bào để loại bỏ tế bào hồng cầu và nhuộm các tế bào lưới Thành phần: Thuốc nhuộm Retic trong dung dịch đậm: 0,06% (w/v) Retic Clear Axit sunfuric có chất ổn định: 0,15% (w/v) . Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
7.9	Chất kiểm chuẩn hồng cầu lưới	1	Hộp	Tính năng: Chất kiểm chuẩn tế bào là vật liệu kiểm soát chất lượng máu được sử dụng để theo dõi hiệu quả của Hệ thống phân tích tế bào. Thành phần: Chất kiểm chuẩn tế bào bao gồm hồng cầu người đã xử lý và ổn định trong chất đẵng tương. Chất kiểm chuẩn tế bào cũng chứa thành phần giống như tế bào lưới, đã ổn định Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
7.10	Chất kiểm chuẩn dịch cơ thể	1	Hộp	Tính năng: Chất kiểm soát dịch cơ thể là vật liệu kiểm soát chất lượng máu được sử dụng để theo dõi hiệu quả và xác minh phạm vi đo chu kỳ dịch cơ thể của các Hệ thống phân tích tế bào. Thành phần: hồng cầu người đã xử lý, ổn định trong chất đẵng tương. Chất kiểm chuẩn cũng chứa thành phần có kích thước tiểu cầu, đã ổn định và hồng cầu cố định để mô phỏng bạch cầu. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
8	Hóa chất xét nghiệm huyết học tự động 37 thông số (Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy xét nghiệm) để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 55 Luật Đấu thầu năm 2023)						
8.1	Dung dịch pha loãng	220	Thùng	Dung dịch DS DILUENT dùng để đo các thông số liên quan đến hồng cầu, PLT, bạch cầu, RET và NRBC. Thành phần: Borate Buffert: ≤0.5% Sodium Chloride: ≤0.1% Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Thùng	Châu Á
8.2	Dung dịch ly giải	48	Hộp	Dung dịch M-6LD LYSE tham gia vào quá trình tách phân bạch cầu trong kênh DIFF cùng với dung dịch nhuộm bạch cầu M-6FD. Thành phần: Surfactant: ≤0.5% Hepes Buffer: ≤0.5% Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á
8.3	Dung dịch nhuộm huỳnh quang	52	Hộp	Dung dịch M-6FD DYE tham gia vào quá trình tách phân bạch cầu trong kênh DIFF cùng với dung dịch M-6LD LYSE. Thành phần: Fluorochrome: ≤0.01% Ethylene Glycol: 94-99 % Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á

1	2	3	4	5	6	7	8
8.4	Dung dịch ly giải hồng cầu	20	Hộp	Dung dịch M-6LH LYSE dùng để đo các thông số liên quan đến huyết sắc tố. Thành phần: Surfactant: $\leq 0.5\%$ Borate Buffer: $\leq 0.5\%$ Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á
8.5	Dung dịch ly giải hồng cầu non	48	Hộp	Dung dịch M-6LN dùng để đo các thông số liên quan đến Baso hoặc NRBC cùng với dung dịch M-6FN DYE. Thành phần: Citrate Buffer: $\leq 0.5\%$ Sodium Chloride: 0.10% Surfactant: 0.10% Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á
8.6	Dung dịch nhuộm huỳnh quang xét nghiệm hồng cầu non	52	Hộp	Dung dịch M-6FN DYE dùng để đo các thông số liên quan đến Baso hoặc NRBC với dung dịch M-6LN LYSE. Thành phần: Fluorochrome: $\leq 0.01\%$ Ethylene Glycol: 94-99 % Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Á
8.7	Dung dịch rửa	50	Chai	Dung dịch rửa thường quy Cleanser dùng để súc rửa và làm sạch các ống mao dẫn, đường ống và buồng đếm của máy huyết học, loại bỏ các thành phần máu bị kết tủa và lắng cặn trên máy phân tích huyết học. Thành phần: Surfactant: $\leq 0,2\%$ Sodium hypochlorous: $\leq 12\%$ Sodium hydroxide: $\leq 5\%$ Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Chai	Châu Á
8.8	Dung dịch hiệu chuẩn máy	1	Ống	SC-CAL PLUS Chất hiệu chuẩn huyết học dùng hiệu chuẩn các thông số máy huyết học. Thành phần: SC-CAL PLUS là thuốc thử chẩn đoán trong ống nghiệm bao gồm chất bảo quản, hồng cầu người, bạch cầu động vật có vú và tiểu cầu của động vật có vú lơ lửng trong chất lỏng như huyết tương. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Ống	Châu Á
8.9	Dung dịch kiểm chuẩn máy	50	Bộ	BC-6D là một chất kiểm chuẩn máu toàn phần, dùng để kiểm chuẩn các giá trị trên máy đếm tế bào huyết học đa tham số. Thành phần: BC-6D là thuốc thử in vitro bao gồm chất bảo quản, hồng cầu của người, bạch cầu của động vật có vú và tiểu cầu của động vật có vú lơ lửng trong chất lỏng như huyết tương. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Bộ	Châu Á

1	2	3	4	5	6	7	8
9	Hóa chất xét nghiệm đông máu tự động (Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy xét nghiệm) để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 55 Luật Đầu thầu năm 2023)						
9.1	Thuốc thử xét nghiệm PT	33	Hộp	- Sử dụng để xác định thời gian prothrombin (PT) - Đóng gói dạng bột đông khô, thành phần chứa yếu tố mô người tái tổ hợp (hoàn nguyên ~ 100-200 ug/L) với phospholipid tổng hợp, calcium, chất trung hòa heparin, chất đệm và chất ổn định BSA - Độ ổn định của hóa chất sau hoàn nguyên: ≥ 10 ngày khi bảo quản ở +2 tới +8 °C (đóng nắp lọ) ≥ 5 ngày khi bảo quản ở +15 tới +25 °C (đóng nắp lọ) ≥ 24 giờ khi được bảo quản ở +37 °C (đóng nắp lọ) Độ tái lập tổng quát: PT% < 10% PT giây < 5% PT INR < 5% Quy cách: Hộp / 4ml x 10 <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
9.2	Nước rửa mức 2	11	Lọ	Chất tẩy rửa cho máy xét nghiệm đông máu hoàn toàn tự động. Thành phần: Hydrochloric acid 0.16%, Chất hoạt động bề mặt không ion hóa 0.50% Lưu trữ khi chưa mở nắp ở 5 tới 35°C . Sản phẩm nên sử dụng trong vòng 2 tháng sau khi mở nắp. <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	G7
9.3	Cống đo	16,500	Cái	Ống phản ứng sử dụng trên máy đông máu tự động (CA500/600 series, CA1500). Ống phản ứng cho máy xét nghiệm đông máu tự động. Ống phản ứng chỉ dùng một lần. <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Cái	G7
9.4	Thuốc thử xét nghiệm APTT	22	Hộp	Sử dụng để định lượng thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT) trong việc hỗ trợ chẩn đoán, sàng lọc các rối loạn đông máu và theo dõi heparin không phân đoạn trong huyết tương người chống đông bằng sodium citrate bằng các phương pháp xét nghiệm đông máu tự động. Thuốc thử dạng lỏng từ các phosphatide từ não thỏ và đậu nành được tinh chế với ellagic acid đề hoạt hóa huyết tương. Thành phần chứa hỗn hợp của phosphatide đậu nành tinh chế và cephaline não thỏ trong 1 x 0,0001 M acid ellagic, chất đệm, chất ổn định và chất bảo quản Độ ổn định của thuốc thử sau mở nắp: 7 ngày khi bảo quản ở 2-15 độ C. CV% trung bình độ tái lập tổng thể < 8 %. Lưu trữ thuốc thử chưa mở nắp ở 2 - 8 độ C <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
9.5	Ca Chloride	6	Hộp	Sử dụng như hoá chất bổ sung trong các xét nghiệm đông máu Đóng gói dạng lỏng, dung dịch calcium chloride 0.025 mol/L Lưu trữ thuốc thử chưa mở nắp ở 2 - 25 độ C Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp: 8 tuần khi bảo quản ở 2 - 25 độ C. <u>Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.</u>	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
9.6	Thuốc thử xét nghiệm Fibrinogen	11	Hộp	Sử dụng để định lượng fibrinogen trong huyết tương Thuốc thử đông khô, thành phần chứa thrombin có nguồn gốc từ bò, sau hoàn nguyên khoảng ≤ 100 IU/ml Độ ổn định của hóa chất sau hoàn nguyên: 5 ngày khi bảo quản ở 2 - 8 độ C, 8 giờ khi bảo quản ở 15 - 25 độ C. Lưu trữ thuốc thử chưa mở nắp ở 2 - 8 độ C Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
9.7	Owren's Buffer	11	Hộp	Là dung dịch đệm pha loãng trong xét nghiệm đông máu Đóng gói dạng lỏng, thành phần gồm sodium barbital và sodium chloride, pH 7.35 ± 0.1 Thành phần: 2.84×10^{-2} M Sodium barbital trong 1.25×10^{-1} M sodium chloride pH 7.35 ± 0.1 Độ ổn định của hóa chất sau mở nắp: 8 tuần khi bảo quản ở 2 - 8 độ C. Lưu trữ thuốc thử chưa mở nắp ở 2 - 8 độ C Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
9.8	Nước rửa mức 1	33	Lọ	Dung dịch rửa kim hút cho máy xét nghiệm đông máu hoàn toàn tự động. Thành phần: Sodium hypochlorite 1.0% (nồng độ chlorine sẵn có). Lưu trữ khi chưa mở nắp ở 2 - 8 độ C. Sản phẩm nên sử dụng trong vòng 1 tháng sau khi mở nắp Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	G7
9.9	Nội kiểm mức 1	17	Hộp	Sử dụng để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu ở giới hạn bình thường, giá trị được cung cấp cho các xét nghiệm APTT, PT, TT, Fibrinogen, ATIII, Thời gian Batroxobin/ Reptilase Thuốc thử đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương tươi được chống đông citrat của những người bình thường Độ ổn định sau hoàn nguyên: 16 giờ khi bảo quản ở 2 - 8 độ C, 8 giờ khi bảo quản ở 15 - 25 độ C. Lưu trữ khi chưa mở nắp ở 2 - 8 độ C Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
9.10	Nội kiểm mức 2	17	Hộp	Sử dụng để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu trong khoảng giới hạn từ giữa đến cao của giới hạn điều trị trong liệu pháp kháng đông đường uống, giá trị được cung cấp cho các xét nghiệm APTT, PT Thuốc thử đông khô, có nguồn gốc từ huyết tương tươi được chống đông citrat của người Độ ổn định sau hoàn nguyên: 16 giờ khi bảo quản ở 2 - 8 độ C, 8 giờ khi bảo quản ở 15 - 25 độ C. Lưu trữ khi chưa mở nắp ở 2 - 8 độ C Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
9.11	Nội kiểm mức cao	7	Hộp	Vật liệu kiểm soát trong khoản bệnh lý cho các xét nghiệm đông máu: Thời gian Prothrombin (PT), Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT), Fibrinogen (Phương pháp Clauss), Các yếu tố đông máu II, V, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII và vWF, Chất ức chế: Antithrombin III, protein C, protein S, chất ức chế C1, Plasminogen, Thời gian Thrombin. Thuốc thử đông khô, không chứa chất bảo quản, chứa huyết tương người, chất ổn định HEPES (sau hoàn nguyên: 12 g/L) Lưu trữ: 2-8 độ C Có thể được sử dụng đến hết ngày hết hạn được ghi trên nhãn nếu chưa mở nắp. Độ ổn định sau hoàn nguyên: 4 giờ khi bảo quản ở 15 – 25°C Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
10	Hóa chất xét nghiệm đông máu tự động phương pháp đo quang (Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm cung cấp cho chủ đầu tư thiết bị y tế (máy xét nghiệm) để sử dụng hóa chất, vật tư xét nghiệm theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 55 Luật Đấu thầu năm 2023)						
10.1	Hóa chất xét nghiệm PT	6	Hộp	1.Thuốc thử thromboplastin ố thỏ kèm theo dung môi để định lượng Prothrombin Time (PT). 2.Thành phần hoạt tính: chiết trích thromboplastin từ ốc thỏ kèm chất ổn định. Dung môi là buffer chứa ion canxi và natri axít (<0,01%) đóng vai trò như chất bảo quản. 3.Bảo quản từ 2-8°C. Độ ổn định sau khi mở nắp, 8 giờ ở 37°C, 1 ngày ở 20-25°C, 2 ngày ở 15-19°C, 12 ngày ở 2-8°C. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
10.2	Hóa chất xét nghiệm PTT	5	Hộp	1.Hóa chất phospholipid được chiết xuất từ não thỏ, sử dụng để xác định APTT. 2.Thành phần hoạt hóa: là phospholipid lấy từ não thỏ, chứa ellagic acid trong môi trường buffered với chất ổn định. 3.Bảo quản từ 2-8°C. Độ ổn định sau khi mở nắp, 1 ngày ở 20-25°C, 2 ngày ở 15-19°C, 5 ngày ở 2-8°C. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
10.3	Nội kiểm dùng cho xét nghiệm: PT, PTT, Fibrinogen 2 mức nồng độ	10	Hộp	1.Dùng để kiểm chuẩn chất lượng bình thường và bất thường cho các xét nghiệm tầm soát đông máu dưới đây: PT, APTT, TT. 2.Thành phần hoạt hóa: dạng đông khô, gồm huyết tương người và chất ổn định. 3.Bảo quản ở 2-8°C. Ổn định sau khi mở nắp ở 22°C là 4 giờ. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
10.4	Hóa chất rửa kim	5	Hộp	1.Được sử dụng để bảo trì hằng ngày và rửa máy đo đông máu. 2.Thành phần hoạt tính: sodium hypochlorite < 5,0, % sodium hydroxide < 1,0 %, detergent < 1,0 % 3. Bảo quản ở 2-8°C trong phòng tối, sử dụng ở nhiệt độ phòng 15–35°C. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu

1	2	3	4	5	6	7	8
10.5	Xét nghiệm định lượng D-Dimer	5	Hộp	1.Trong quá trình đông huyết tương, fibrin hoà tan được tạo ra bởi ảnh hưởng của thrombin đối với fibrinogen. Fibrin hoà tan liên kết với thành ống bằng yếu tố XIIIa. Khi tách fibrin liên kết ngang này, tạo ra sản phẩm đặc trưng được gọi là D-dimers. 2.Thành phần và nồng độ: R1: Buffer, R2: Particle suspension, phân tử latex được phủ kháng thể D- dimer kháng nguyên đơn dòng (trích từ chuột). 3. Bảo quản ở 2 - 8°C. Lọ thuốc đã mở ổn định trong vòng 14 ngày ở 15-19°C, tránh nhiễm khuẩn. Không được làm đông! Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
10.6	Nội kiểm: D.Dimer 2 mức nồng độ	5	Hộp	1.Các chất kiểm soát D-dimer là các lyophilizate dựa trên huyết tương của con người, chúng phù hợp với các phép đo kiểm soát của test Dia- D-Dimer 2.Các thành phần: Chất kiểm soát Dia-CONT Ddi đông khô chứa kháng nguyên D-dimer có nguồn gốc từ huyết tương người với quá trình tiêu hóa bằng enzym, muối và protein huyết tương. 3.Bảo quản: ở 2 - 8°C. Sau khi mở, bảo quản 20-25°C trong 8 giờ, bảo quản từ 15-19°C trong vòng 24 giờ, bảo quản từ 2-8°C trong 48 giờ. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
10.7	Hóa chất Fibrinogen	10	Hộp	Là chất đông khô, alpha thrombin tinh thiết của người trong môi trường buffer với calcium và chất ổn định, được sử dụng để định lượng level của plasma fibrinogen. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
10.8	Dung dịch can xi (CaCl2)	3	Hộp	1.Được sử dụng trong xét nghiệm tầm soát đông máu như APTT. 2.Thành phần hoạt hóa: là dung dịch buffer 0,025M kèm chất bảo quản. 3.Bảo quản: Độ ổn định sau khi mở nắp: một ngày ở 37°C, 3 ngày ở 16°C và 7 ngày ở 2-8°C. Không được làm đông! Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
10.9	Cuvette	10	Hộp	1.Là vật chứa hóa chất và mẫu xét nghiệm đông máu 2. Chất liệu: nhựa Acrylic, dùng 1 lần 3. Chỉ sử dụng một lần, không được tái sử dụng 4. Điều kiện bảo quản: nhiệt độ phòng, nơi thoáng mát Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
10.10	Hóa chất rửa máy	10	Hộp	1.Hoá chất rửa chứa chất hoạt tính bề mặt được sử dụng để bảo trì hằng ngày và rửa máy phân tích đông máu. 2.Thành phần hoạt hóa: - Chất hoạt tính bề mặt max. 1,0 % - Chất bảo quản max. 0,5 % 3.Bảo quản ở 15-35°C trong phòng tối. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
10.11	Buffer pha loãng dùng cho xét nghiệm Fibrinogen	3	Hộp	1.Dùng cho xét nghiệm tầm soát đông máu như fibrinogen (FIB). 2.Thành phần hoạt hóa: là dung dịch buffer kèm chất ổn định. 3.Bảo quản ở 2-8°C. Độ ổn định sau khi mở nắp: 5 ngày ở 16°C. Không được làm đông! Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	Châu Âu
11	Hóa chất, vật tư xét nghiệm khác						
11	Que thử nước tiểu 11 thông số	15,000	Test	Dùng để thử nước tiểu 11 thông số (Uro, Glu, Bil, Ket, SG, Bld, pH, Pro, Nit, Leu, AsA). Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Châu Á

1	2	3	4	5	6	7	8
12	Hóa chất Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu Mức 1	5	Hộp	Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 13 thông số, bao gồm thông số Albumin. Thích hợp cho xét nghiệm tại chỗ (POCT). Bảo quản 2-8°C. Mở nắp trong vòng 30 ngày 2-25°C hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
13	Hóa chất Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu Mức 2	5	Hộp	Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 13 thông số, bao gồm thông số Albumin. Thích hợp cho xét nghiệm tại chỗ (POCT). Bảo quản 2-8°C. Mở nắp trong vòng 30 ngày 2-25°C hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
14	Que thử nước tiểu 11 thông số	30,000	Test	Dùng cho các máy phân tích nước tiểu Mission Có bước sóng 525 nm và 635 nm, có thể đọc bằng mắt. Đo các chỉ số : Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Ascorbic Acid (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU/ ASC). Dạng que. Hạn dùng: ≥24 tháng/3 tháng sau khi mở nắp hộp. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	G20
15	Hóa chất Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu	5	Hộp	Dung dịch chứng mission Liquid Urine Control là một xét nghiệm kiểm chuẩn được sử dụng để kiểm tra độ chính xác của kết quả phân tích nước tiểu khi đọc bằng mắt thường hoặc bằng máy phân tích. Kết quả phải được so sánh với các kết quả kỳ vọng để đảm bảo tính hiệu quả của que thử và máy phân tích nước tiểu Mission và Mission Expert. Dung dịch chứng gồm 2 mức nồng độ và sẵn dùng để kiểm soát phân tích nước tiểu thông thường. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu) và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G20
16	Que thử nước tiểu 11 thông số	15,000	Test	Test thử nước tiểu phân tích 11 thông số: Ascorbic Acid, Bilirubin, Blood, Glucose, Ketones, Leucocytes, Nitrite, pH, Protein, Specific Gravity/Density, Urobilinogen. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	G7
17	Hóa chất Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu Mức 1	5	Hộp	Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 13 thông số. Bảo quản 2-8°C. Mở nắp tối thiểu 30 ngày. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7
18	Hóa chất Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu Mức 2	5	Hộp	Thành phần 100% từ nước tiểu người. Đáp ứng 13 thông số. Bảo quản 2-8°C. Mở nắp tối thiểu 30 ngày. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Hộp	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
19	Test nhanh chẩn đoán Dengue NS1	6,000	Test	Phát hiện kháng nguyên Vius Dengue Ag(Ns1) Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần Ngưỡng phát hiện: 0,25 ng/ml - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 99,6% - Độ chính xác tương quan: 99,7% Khay thử bao gồm: 1.Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp kháng thể kháng kháng nguyên dengue NS1 (cộng hợp dengue Ab) và một cộng hợp kháng thể để kiểm chứng. 2.Một màng bằng hợp chất nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T phủ sẵn kháng thể kháng kháng nguyên dengue NS1 và vạch chứng C được phủ sẵn một kháng thể kiểm chứng. - Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Malaria, HIV, HCV, HAV, HBV, TB... - Bảo quản ở nhiệt độ thường Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Châu Á
20	Test nhanh chẩn đoán Dengue NS1	10,000	Test	Test nhanh để phát hiện định tính kháng nguyên NS1 của vi rút sốt xuất huyết trong máu toàn phần,huyết thanh hoặc huyết tương của người. Mẫu bệnh phẩm: Máu toàn phần, huyết tương, huyết thanh. - Độ nhạy: 95,8% - Độ đặc hiệu: 96.1% - Độ chính xác: 96.0% - CI: Khoảng tin cậy 95% - Đọc kết quả sau 10 phút - Không phản ứng chéo với: anti- HAMA IgG, anti-RF IgG, HBsAg, HBsAb, HBeAg, HBeAb, HBcAb, anti-Syphilis IgG, anti-HIV, anti-HCV IgG, anti-H. pylori IgG, anti-MONO IgM, anti-CMV IgG, anti-CMV IgM, anti-Rubella IgG, anti-Rubella IgM, anti-TOXO IgG và anti-TOXO IgM. Hạn dùng: ≥22 tháng. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	
21	Test nhanh phát hiện kháng thể NS1	1,000	Test	Định tính phát hiện các kháng thể kháng vi rút Dengue(IgG/IgM). - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Vạch IgG: Độ nhạy tương quan: 97.3%, Độ đặc hiệu tương quan: 99.3% - Vạch IgM: Độ nhạy tương quan: 96.9%, Độ đặc hiệu tương quan: 98.9% 1. Vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp vàng kháng nguyên vỏ dengue tái tổ hợp (cộng hợp dengue) và cộng hợp vàng kháng thể kiểm soát. 2. Một màng nitrocellulose chứa 2 vạch kết quả (vạch G và vạch M) và một vạch chứng (C). Vạch G phủ sẵn kháng thể để phát hiện kháng thể IgG kháng vi rút dengue, vạch M phủ sẵn kháng thể để phát hiện kháng thể IgM kháng vi rút dengue và vạch chứng C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát. - Không phản ứng chéo với mẫu phẩm HAV, HBV, HCV, HIV, H.pylori... - Bảo quản nhiệt độ thường Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Châu Á

1	2	3	4	5	6	7	8
22	Test nhanh phát hiện kháng thể NS1	1,000	Test	Test nhanh để phát hiện định tính các kháng thể (IgG và IgM) đối với vi rút Dengue trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. Mẫu bệnh phẩm: Máu toàn phần, huyết tương, huyết thanh - Độ nhạy: 94.3% - Độ đặc hiệu: 99.1% - Độ chính xác: 98.3% - CI: Khoảng tin cậy 95% - Đọc kết quả sau 10 phút - Không phản ứng chéo với: HAMA, RF, HBsAg, HBsAb, HBeAg, HBeAb, HBcAb, Giang mai, HIV, HCV, H. Pylori, MONO, CMV, Rubella và TOXO dương tính. Hạn dùng: ≥22 tháng. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	G7
23	Test nhanh chẩn đoán kháng thể vi khuẩn H.Pylori	3,000	Test	Phát hiện các kháng thể IgG, IgA, IgM kháng H. pylori - Mẫu thử: máu toàn phần, huyết thanh, huyết tương. - Độ nhạy tương quan: 86,7%; Độ đặc hiệu tương quan: 91% Khay thử bao gồm: 1. vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn kháng nguyên H. pylori bao gồm cộng hợp vàng Cag-A (cộng hợp H. pylori) và cộng hợp vàng kháng thể kiểm soát. 2. một màng nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T được phủ sẵn kháng nguyên H. pylori không cộng hợp và vạch C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát. - Bảo quản ở nhiệt độ thường Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Châu Á
24	Test nhanh chẩn đoán kháng thể vi khuẩn H.Pylori	2,000	Test	Test nhanh để phát hiện định tính kháng thể kháng Helicobacter pylori (H.pylori) trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương Mẫu bệnh phẩm: máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương - Độ nhạy: 96.8% - Độ đặc hiệu: 93.0% - Độ chính xác: 94.6% - CI: Khoảng tin cậy 95% - Đọc kết quả sau 10 phút - Không phản ứng chéo với: Viêm gan A, B, C, E, HIV và Giang mai. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
25	Test nhanh phát hiện kháng thể Lao	1,000	Test	Định tính phát hiện kháng thể IgG/IgM kháng Lao trong huyết tương ,huyết thanh hoặc trong máu toàn phần của người, Giúp chẩn đoán nhiễm trùng Lao.. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh/máu toàn phần. Qui cách test thử: (Ngang : 0.42cm, chiều dài: 6cm, độ dày: 0.15cm) - Độ nhạy $\geq 97\%$. - Độ đặc hiệu $\geq 97\%$. - Độ chính xác $\geq 97\%$. - Ngưỡng phát hiện: 350IU/ml - Độ lặp lại: 100% - Độ ổn định: 100% Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. Hạn dùng: ≥ 24 tháng. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Việt Nam
26	Test nhanh phát hiện kháng thể Lao	1,000	Test	Khay thử xét nghiệm phát hiện định tính kháng thể IgG/IgM trong huyết tương, huyết thanh hoặc trong máu toàn phần của người, giúp chẩn đoán nhiễm trùng Lao. - Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương, huyết thanh - Độ nhạy: 98.09% - Độ đặc hiệu: 99.51% - Độ chính xác: 99.03% - Xét nghiệm miễn dịch kẹp hai vị trí, pha rắn, định tính để phát hiện các kháng thể chống lao trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương. - Màng được phủ trước bằng kháng nguyên tái tổ hợp TB trên vùng vạch thử nghiệm. - Bảo quản dưới dạng đóng gói trong túi kín ở nhiệt độ 2°C~30°C và độ ẩm tương đối trong khoảng 40%-60%. Hạn dùng: ≥ 24 tháng. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Châu Á
27	Test nhanh chẩn đoán kháng thể HIV	500	Test	Phát hiện sự có mặt của các kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: 99.59%, Độ đặc hiệu: 99.87% - Thành phần Kit thử: Cộg hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp. - Vạch kết quả Anti-human IgG-Fe Mcab. - Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia bổ sung 2020 của viện VSDTTW - Bảo quản ở nhiệt độ thường Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Châu Á

1	2	3	4	5	6	7	8
28	Test chuẩn đoán kháng thể viêm gan E	1,000	Test	Xét nghiệm kháng thể IgM virus viêm gan E là xét nghiệm miễn dịch định tính dựa trên dải màng để phát hiện kháng thể IgM HEV trong máu toàn phần/huyết thanh/huyết tương ; Xét nghiệm này chứa kháng thể IgM kháng người của chuột làm thuốc thử bất giữ, kháng nguyên HEV làm thuốc thử phát hiện. Một kháng thể IgG kháng dê của chuột được sử dụng trong hệ thống dòng kiểm soát; Độ nhạy: 95,71% , Độ đặc hiệu : 98,42% Xét nghiệm kháng thể IgM của virus viêm gan E không cho thấy phản ứng chéo đối với các mẫu dương tính với kháng thể RSV, kháng thể Adeno, HBsAg, kháng thể giang mai, kháng thể H.Pylori và kháng thể HCV. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Châu Á
29	Test chuẩn đoán kháng thể viêm gan E	1,000	Test	Định tính phát hiện kháng thể IgM kháng HEV - Mẫu thử: huyết thanh, huyết tương. - Độ nhạy tương quan: 98,1%; Độ đặc hiệu tương quan: 99,2% Khay thử bao gồm: 1. vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp vàng kháng nguyên HEV (cộng hợp HEV) và một cộng hợp kháng thể kiểm soát. 2. một màng nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T được phủ sẵn kháng thể đơn dòng kháng IgM-người và vạch C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát - Kit thử bảo quản nhiệt độ thường Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Châu Á
30	Test nhanh xét nghiệm định tính 5 chất gây nghiện MOP/Codein/Heroin (6-MAM)/AMP/THC trong nước tiểu	8,000	Test	Xét nghiệm sắc ký miễn dịch định tính phát hiện sự có mặt của các chất gây nghiện/chất chuyển hóa có trong nước tiểu khi nồng độ vượt ngưỡng đối với: Amphetamine (Ma túy tổng hợp): 1.000ng/ml; Marijuana (Cần sa - Bò đà): 50ng/ml; Morphine (Nhóm thuốc phiện): 300ng/ml; Codeine (Nhóm thuốc phiện): 300ng/ml; Heroin (6- Monoacetylmorphine – Nhóm thuốc phiện): 10ng/ml. Độ nhạy : 99.8% Độ đặc hiệu: 99.6% Độ chính xác : $\geq 99.7\%$ Độ lặp lại: 100% Độ ổn định: 100% - Kết quả đọc trong 1-5 phút, không đọc kết quả sau 10 phút. - Bảo quản nhiệt độ 8-30 độ C Hạn dùng: ≥ 24 tháng. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Việt Nam

1	2	3	4	5	6	7	8
31	Test nhanh xét nghiệm định tính 5 chất gây nghiện MOP/Codein/Heroin (6-MAM)/AMP/THC trong nước tiểu	8,000	Test	Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời 5 chất gây nghiện MOP/Codein/Heroin (6-MAM)/AMP/THC trong nước tiểu Nồng độ ngưỡng phát hiện MOP là 300 ng/mL; Codein là 300 ng/mL; Heroin (6-MAM) là 10 ng/mL; AMP là 1000ng/ml ; THC là 50 ng/ml -Độ lặp lại $\geq 75\%$ chính xác ở mức $\pm 25\%$ cut-off ;100% chính xác ở mức âm tính và $\pm 50\%$ cut-off Độ chính xác : MOP $\geq 95\%$; AMP $\geq 98\%$; THC $\geq 98\%$; Heroin $\geq 98\%$; Codeine $\geq 95\%$ so với GC/MS (sắc ký khí/khối phổ) -Tỷ trọng mẫu nước tiểu ở các mức nồng độ cao, thấp, bình thường (1.005-1.045) không có ảnh hưởng đến kết quả của test. - Độ pH của mẫu nước tiểu từ 5-9 không làm thay đổi kết quả của test. - Không phản ứng chéo với các cơ chất Acetylsalicylic acid; Tetracycline - Có thể đo mật độ quang trên máy phân tích - Thời gian đọc kết quả sau 5 phút nhưng không quá 10 phút. - Đóng gói riêng từng test, chất lượng, quy cách 25 test/hộp. - Nhiệt độ bảo quản 2-30 độ C Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	G7
32	Test nhanh xét nghiệm định tính 5 chất gây nghiện MOP/Codein/Heroin (6-MAM)/AMP/THC trong nước tiểu	4,000	Test	Khay thử xét nghiệm miễn dịch sắc ký dòng bên để phát hiện định tính nhiều loại ma túy - Mẫu phẩm: Nước tiểu - Ngưỡng phát hiện: AMP: 500 ng/mL, COD: 300ng/mL, HER: 10 ng/mL, MOP: 300ng/mL, THC: 50 ng/mL, - Các thông số kỹ thuật: + Độ nhạy: 100% + Độ đặc hiệu: 100% + Độ chính xác: AMP: 99.925%; COD: 99.9%; THC: 99.92%; MOP: 99.93%; 6-MAM (Heroin): 99.99% - Không phản ứng chéo với các hợp chất ở nồng độ 100µg/ml: Acetophenetidin , N-Acetylprocainamide, Acetylsalicylic acid... - Độ pH của mẫu nước tiểu từ 4 - 9 không làm thay đổi kết quả. - Thời gian đọc kết quả: Trong 5 phút - Bảo quản nhiệt độ: 2°C~30°C Hạn dùng: ≥ 24 tháng. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Châu Á
33	Test nhanh xét nghiệm định tính Codein trong nước tiểu	500	Test	Test nhanh xét nghiệm định tính Codein trong nước tiểu Nồng độ ngưỡng phát hiện Codein là 300 ng/mL; Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác tương đồng GC/MS $> 95\%$ Độ nhạy $>99\%$ chính xác ở mức 50% trên và 50% dưới ngưỡng. -Tỷ trọng mẫu nước tiểu ở các mức nồng độ cao, thấp, bình thường (1.005-1.045) không có ảnh hưởng đến kết quả của test. - Độ pH của mẫu nước tiểu từ 5-9 không làm thay đổi kết quả của test. - Không phản ứng chéo với các cơ chất Acetylsalicylic acid; Tetracycline; Bilirubin - Thời gian đọc kết quả sau 5 phút nhưng không quá 10 phút. - Đóng gói riêng từng test. - Nhiệt độ bảo quản 2-30 độ C Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	G7

1	2	3	4	5	6	7	8
34	Test nhanh xét nghiệm định tính Codein trong nước tiểu	500	Test	Khay thử xét nghiệm định tính Codein trong nước tiểu - Nồng độ ngưỡng phát hiện Codein là 300 ng/mL; - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 100% - Độ chính xác: COD: 99.9%; - Tỷ trọng mẫu nước tiểu ở các mức nồng độ cao, thấp, bình thường (1.002-1.040) không có ảnh hưởng đến kết quả của test. - Độ pH của mẫu nước tiểu từ 4-9 không làm thay đổi kết quả của test. - Không phản ứng chéo với các cơ chất Acetylsalicylic acid; Tetracycline; Bilirubin, Acetophenetidin, N-Acetylprocainamid,... - Thời gian đọc kết quả sau 5 phút nhưng không quá 10 phút. - Đóng gói riêng từng test. - Nhiệt độ bảo quản 2-30 độ C Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Châu Á
35	Test nhanh chất gây nghiện Heroin –Morphin	1,000	Test	Phát hiện morphin-heroin trên mẫu nước tiểu. Dạng dipstick, thực hiện trên mẫu nước tiểu tươi. Ngưỡng phát hiện 300 ng/ml Độ chính xác tương đồng với kit thương mại khác > 99.9% Độ nhạy >99% chính xác ở mức 50% trên và 50% dưới của nồng độ ngưỡng. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	G7
36	Test nhanh chất gây nghiện Heroin	500	Test	Xét nghiệm Heroin (Nước tiểu) là xét nghiệm miễn dịch sắc ký dòng chảy bên để phát hiện định tính 6-Monoacetylmorphine trong nước tiểu ở nồng độ ngưỡng là 10 ng/mL. Độ nhạy >99.9% Độ đặc hiệu >99.9% Độ chính xác >99.9% Độ lặp lại : 100 % Độ ổn định : 100% Tỷ trọng mẫu nước tiểu ở các mức độ cao, thấp, bình thường (1.000-1.037) không có ảnh hưởng đến kết quả của test. Độ pH của mẫu nước tiểu từ 5-9 không làm thay đổi kết quả của test . Với 105 Các hợp chất không cho thấy phản ứng chéo khi được thử nghiệm với bảng xét nghiệm sàng lọc nhiều loại thuốc ở nồng độ 100 µg/mL Thời gian đọc kết quả 3- 5 phút nhưng không đọc sau 10 phút Quy cách 50 test/hộp Nhiệt độ bảo quản 4-30 độ C Hạn dùng: ≥24 tháng. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Châu Á
37	Test nhanh chất gây nghiện Morphin	500	Test	Thử nghiệm MOP Morphine là một xét nghiệm miễn dịch sắc ký dòng chảy để phát hiện định tính Morphine trong nước tiểu . Độ nhạy : 100% ; Độ đặc hiệu: >99.9% ; Độ chính xác : >99.9% Độ lặp lại 100% , Độ ổn định 100% Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Châu Á

1	2	3	4	5	6	7	8
38	Test xét nghiệm nhanh Amphetamin trong nước tiểu	500	Test	Khay thử xét nghiệm phát hiện amphetamin trên mẫu nước tiểu. - Dạng dipstick, thực hiện trên mẫu nước tiểu tươi. - Độ nhạy 100% - Độ đặc hiệu 100% - Độ chính xác 100% - Ngưỡng phát hiện 1000 ng/ml - Không bị cản trở bởi hơn 90 loại tác nhân bao gồm: thuốc và hợp chất dược lý, các chất nội sinh và protein, kháng sinh, thuốc kháng viêm,... - Không bị ảnh hưởng bởi trọng lượng riêng và pH của nước tiểu. - Giải thích kết quả kiểm tra trong vòng 5 phút. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Châu Âu
39	Test xét nghiệm nhanh Amphetamin trong nước tiểu	500	Test	Thử nghiệm AMP Amphetamine là một xét nghiệm miễn dịch sắc ký dòng chảy để phát hiện định tính Amphetamine trong nước tiểu. Độ nhạy :100% ; Độ đặc hiệu: >99.9% ; Độ chính xác : >99.9% Độ lặp lại 100% , Độ ổn định 100% Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Châu Á
40	Test xét nghiệm nhanh cần sa trong nước tiểu	500	Test	Khay thử xét nghiệm phát hiện chất gây nghiện THC trên mẫu nước tiểu. - Dạng dipstick, thực hiện trên mẫu nước tiểu tươi. - Độ nhạy: 100% - Độ đặc hiệu: 100% - Độ chính xác: 100% - Ngưỡng phát hiện 1000 ng/ml - Không bị cản trở bởi hơn 90 loại tác nhân bao gồm: thuốc và hợp chất dược lý, các chất nội sinh và protein, kháng sinh, thuốc kháng viêm,... - Không bị ảnh hưởng bởi trọng lượng riêng và pH của nước tiểu. - Giải thích kết quả kiểm tra trong vòng 5 phút Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Châu Âu
41	Test xét nghiệm nhanh cần sa trong nước tiểu	500	Test	Thử nghiệm THC Marijuana là một xét nghiệm miễn dịch sắc ký dòng chảy để phát hiện định tính Marijuana trong nước tiểu. Độ nhạy : 100% ; Độ đặc hiệu: >99.9% ; Độ chính xác : >99.9% Độ lặp lại 100% , Độ ổn định 100% Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Châu Á
42	Test thử phát hiện máu ẩn trong phân người	1,000	Test	Định tính phát hiện máu ẩn trong mẫu phân của người. - Mẫu thử phân người - Ngưỡng phát hiện 25ng/ml - Độ nhạy tương quan: 95.8%; Độ đặc hiệu tương quan: 98.9% Khay thử bao gồm: 1. vùng cộng hợp có màu đỏ tía được phủ sẵn cộng hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng hHb (cộng hợp kháng hHb). 2. một màng nitrocellulose chứa một vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T được phủ sẵn một loại kháng thể đơn dòng khác kháng hHb và vạch C được phủ sẵn kháng thể kiểm soát. - Bảo quản ở nhiệt độ thường Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Châu Á

1	2	3	4	5	6	7	8
43	Test thử phát hiện máu ẩn trong phân người	1,000	Test	Khay thử xét nghiệm nhanh FOB (phân) là một xét nghiệm miễn dịch sắc ký nhanh để phát hiện định tính máu ẩn trong phân ở người. Mẫu bệnh phẩm: Phân - Độ nhạy: 95% - Độ đặc hiệu: 99.5% - Độ chính xác: 98.6% - CI: Khoảng tin cậy 95% - Đọc kết quả sau 10 phút Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	G7
44	Khay thử xét nghiệm định tính kháng nguyên Malaria Pf/Pv	100	Test	Định tính phát hiện đồng thời và phân biệt kháng nguyên các chủng virus gây bệnh sốt rét Malaria dạng Pf/Pv - Mẫu thử, máu toàn phần - Phát hiện Pf: Độ nhạy: 92.4%; Độ đặc hiệu: 98.8% - Phát hiện Pv: Độ nhạy: 90.5%; Độ đặc hiệu: 98.7% Khay thử bao gồm: 1) Vùng cộng hợp được phủ sẵn cộng hợp kháng thể chuột kháng Pv-LDH (cộng hợp Pv-LDH-vàng) và cộng hợp kháng thể chuột kháng pHRP-II (cộng hợp pHRP-II-vàng) và một cộng hợp kháng thể kiểm soát-vàng, 2) Màng nitrocellulose gồm hai vạch kết quả (vạch Pv, Pf) và một vạch chứng (vạch C). Vạch kết quả Pv phủ sẵn kháng thể đặc hiệu kháng Pv-LDH để phát hiện kháng nguyên Pv, vạch kết quả Pf phủ sẵn kháng thể đặc hiệu kháng pHRP-II để phát hiện nhiễm Pf và vạch chứng C phủ sẵn kháng thể kiểm soát- Không phản ứng chéo với mẫu phẩm Dengue, HBsAg, HCV, HAV, HIV, Syphilis, TB, H.pylori... - Bảo quản nhiệt độ thường Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Châu Á
45	Test nhanh phát hiện H. pylori bằng phương pháp Urease test	20,000	Test	Môi trường chuyên biệt dạng gel chứa trong giếng của một bảng nhựa, dùng để phát hiện nhanh vi khuẩn H.pylori có trong bệnh phẩm hoặc môi trường nuôi cấy Bảng nhựa được làm bằng PS, màu trắng trong, Bảng nhựa có kích thước bề mặt 50×20mm. Chiều cao của bảng nhựa 15mm. Ngay giữa bảng nhựa có giếng với đường kính 6mm và chiều cao của giếng 10mm. - Kết quả (+): trong giếng gel có màu đỏ cánh sen trong vòng 1 giờ đối với bệnh phẩm nội soi dạ dày và trong vòng 1 phút vi khuẩn trên môi trường nuôi cấy - Kết quả (-): Trong giếng gel không có sự đổi màu Bảo quản ở nhiệt độ từ 2 đến 8 độ C. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	Việt Nam

1	2	3	4	5	6	7	8
46	Card phản ứng chéo 8 giếng	1,200	Card	Thẻ 8 giếng (1 test) được sử dụng để xác định nhóm máu ABO và Rh(D), kiểm tra tính tương thích, kiểm tra độ chéo với enzyme và nghiệm pháp Coombs và kiểm tra tự chứng với enzyme và nghiệm pháp Coombs. Mỗi test xét nghiệm gồm 8 giếng có thành phần như sau: - Giếng 1- Giếng A (ABO1): Anti-A dòng đơn tính - Giếng 2- Giếng B (ABO2): Anti-B dòng đơn tính - Giếng 3- Giếng DVI+(RH1): Anti-D dòng đơn tính (kháng thể IgG và IgM của người) - Giếng 4- Giếng Ctl.: kiểm chuẩn âm tính - Giếng 5,6- Giếng N: gel trung tính (cho kiểm tra độ chéo với enzyme và kiểm tra tự chứng với enzyme) - Giếng 7,8- AHG: Polyspecific coombs Độ nhạy: Anti A 100%, Anti B 100%, Anti D 98.55% Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Card	Châu Á
47	Card 8 giếng xác định nhóm máu ABO / Rh phương pháp huyết thanh mẫu	300	Card	Card 8 giếng gel xác định nhóm máu ABO / Rh bằng huyết thanh mẫu. Mỗi Card 2 test xét nghiệm nhóm máu. Mỗi test xét nghiệm 4 giếng. 4 giếng đầu có thành phần như sau: Giếng 1 : monoclonal Anti-A (BIRMA-1 clone), Giếng 2: monoclonal Anti-B (LB 2 clone), Giếng 3: monoclonal Anti-D(IgG ở người và IgM antibodies, RUM 1 clone, MS-26 clone), Giếng 4: Ctl. microtube: Độ nhạy Anti A 100%, Anti B 100%, Anti D 98,55% Hộp/50 card (card/2 test) Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Card	Châu Á
48	Dung dịch bảo quản hồng cầu	9	Chai	Dung dịch pha loãng hồng cầu chứa dung dịch đệm có cường độ ion thấp Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Chai	Châu Á
49	Thẻ định nhóm máu đầu giường ABO gắn sẵn huyết thanh mẫu	1,500	Test	Thẻ định nhóm máu đầu giường trước truyền máu Thành phần: - Anti-A (dòng A003), - Anti-B (dòng B005), - Chất ổn định: $\leq 0.1\%$ NaN₃, - Anti-D (dòng BS226) Độ nhạy: Anti A: 100%; Anti B: 100%; Anti D: 99% Độ đặc hiệu: Anti A: 100%; Anti B: 100%; Anti D: 100% Chất bảo quản: Sodium azide < 1,0mg/ml trong test xét nghiệm Nhiệt độ bảo quản: 2-25°C Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO và tiêu chuẩn CE (Châu Âu).	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Test	G7
50	Hóa chất định nhóm máu A	50	Lọ	1. Công dụng: thuốc thử định nhóm máu A trong xét nghiệm Slide và Tube. 2. Thành phần: chứa kháng thể đơn dòng IgM đặc hiệu với kháng nguyên A trên hồng cầu 3. Đặc tính hiệu suất: Tính đặc hiệu: Kháng nguyên A 100% đối với A1 A2 4. Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độ C 5. Độ bền sau khi mở nắp: 2-8 độ C trong 24 tháng nếu không bị tạp nhiễm. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	Châu Âu

1	2	3	4	5	6	7	8
51	Hóa chất định nhóm máu B	50	Lọ	1. Công dụng: thuốc thử định nhóm máu B trong xét nghiệm Slide và Tube. 2. Thành phần: chứa kháng thể đơn dòng IgM đặc hiệu với kháng nguyên B trên hồng cầu 3. Đặc tính hiệu suất: Tính đặc hiệu: Kháng nguyên B 100%, phản ứng âm tính với kháng nguyên B tạp nhiễm 4. Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độ C 5. Độ bền sau khi mở nắp: 2-8 độ C trong 24 tháng nếu không bị tạp nhiễm. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	Châu Âu
52	Hóa chất định nhóm máu D	50	Lọ	1. Công dụng: thuốc thử nhóm máu phụ Rh trong xét nghiệm Slide và Tube 2. Phương pháp đo: phản ứng ngưng kết Antigen và Antibodies 3. Thành phần: dung dịch chứa monoclonal Antibodies IgM + IgG miễn dịch 4. Dạng sử dụng: chất lỏng 5. Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độ C 6. Hạn sử dụng: ≥24 tháng 7. Độ bền sau khi mở nắp: 2-8 độ C trong 24 tháng Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	Châu Âu
53	Hóa chất định nhóm máu AHG	5	Lọ	1. Công dụng: thuốc thử đa đặc hiệu cho xét nghiệm AHG (Coombs) trực tiếp và gián tiếp 7. Thành phần: Antibodies phát hiện các IgG và C3d ở người 8. Dạng sử dụng: chất lỏng 9. Nhiệt độ bảo quản: 2-8 độ C 10. Hạn sử dụng: ≥24 tháng 11. Độ bền sau khi mở nắp: 2-8 độ C trong 24 tháng Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Lọ	Châu Âu
54	Ống đo tốc độ lắng máu	2	Thùng	1. Dụng cụ chứa mẫu máu dùng cho máy xét nghiệm lắng máu IRIA, LENA, THERMA, ERILINE. Đo tốc độ máu lắng bằng tia hồng ngoại cho kết quả trong vòng 24 giờ. 2. Thành phần: Ống nhựa polypropylene, nắp bảo vệ: ngăn nhiễm khuẩn, chất chống đông: 4NC/ Citrate 3Na 3. Bảo quản 4-25°C. Ổn định đến ngày hết hạn. Không được làm đông, không được để dưới ánh nắng trực tiếp. Không được để ống mở dưới ánh sáng. Đạt tiêu chuẩn sản xuất ISO.	Bệnh viện Quân Dân Y Miền Đông	Thùng	Châu Âu

Tổng cộng: 54 phần.